

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Hà Nội - 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã ngành: 8340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC : TS. PHẠM NGỌC THÀNH

Hà Nội - 2023

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ, động viên, quý báu của các thầy cô, các anh chị, các em và bạn bè đồng nghiệp và gia đình.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo, Ban Giám hiệu, Phòng đào tạo sau đại học Trường Đại học Lao động – Xã hội và đặc biệt là các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy các chuyên đề của toàn khoá học đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Phạm Ngọc Thành, người thầy kính mến đã hết lòng giúp đỡ, dạy bảo, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong hội đồng chấm luận văn đã cho tôi những đóng góp quý báu để hoàn chỉnh luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý lãnh đạo, đồng nghiệp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bạc Liêu, quý thầy cô các cơ sở dạy nghề tỉnh Bạc Liêu đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

Với thời gian nghiên cứu còn hạn chế, thực tiễn công tác lại vô cùng sinh động, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được các ý kiến đóng góp chân thành từ các thầy giáo, cô giáo đồng nghiệp và bạn bè.

Tác giả

Nguyễn Thị Ngọc Hân

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC	
DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	I
DANH SÁCH CÁC BẢNG	III
DANH SÁCH CÁC HÌNH	V
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1:CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP	9
1.1. Một số khái niệm cơ bản	9
1.1.1. Lao động nông thôn	9
1.1.2. Khái niệm nghề	10
1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề	12
1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và yêu cầu của doanh nghiệp đối với người lao động	13
1.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.	16
1.3. Hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn	17
1.3.1. Theo phương thức đào tạo	17
1.3.2. Theo mức độ truyền bá kiến thức nghề.....	20
1.3.3. Theo thời gian, nội dung chương trình đào tạo.....	20
1.3.4. Các phương thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	21
1.4. Nội dung công tác đào tạo nghề.....	24
1.4.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn	24
1.4.2. Xác định nhu cầu, ngành nghề và đối tượng đào tạo	25
1.5. Các yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	33

1.5.1. Chủ trương, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của quốc gia	33
1.5.2. Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn.....	34
1.5.3. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề.....	35
1.5.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề	36
1.5.5. Một số yếu tố khác	36
1.6. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số tỉnh và bài học cho tỉnh Bạc Liêu	39
1.6.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số tỉnh....	39
1.6.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bạc Liêu.....	43
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU.....	44
2.1. Đặc điểm tình hình chung	44
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	44
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội	46
2.2. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong thời gian qua	48
2.2.1 Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho LĐNT	48
2.2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của các cơ sở đào tạo nghề cho LĐNT	51
2.2.3. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý tham gia dạy nghề.....	52
2.2.4. Ngành nghề đào tạo cho LĐNT	56
2.2.5 Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn.....	60
2.2.6. Công tác thông tin truyền thông, tư vấn học nghề cho LĐNT	62
2.3. Thực trạng mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của lao động nông thôn.....	65
2.3.1. Mức độ đáp ứng về mặt số lượng	66

2.3.2. Mức độ đáp ứng về chất lượng lao động nông thôn	67
2.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.....	69
2.4.1. Chủ trương, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của quốc gia	69
2.4.2. Cơ chế chính sách công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Bạc Liêu	72
2.4.3. Công tác phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp - người học nghề trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT.....	78
2.5. Các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	80
2.5.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	80
2.5.2. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo	80
2.6. Đánh giá chung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu.	81
2.6.1. Kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	81
2.6.2. Một số hạn chế và nguyên nhân.....	87
2.6.2. Nguyên nhân	89
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP	91
3.1. Cơ sở đề xuất các giải pháp	91
3.1.1. Căn cứ vào quan điểm chỉ đạo công tác đào tạo nghề cho LĐNT của Đảng và Nhà nước.....	91
3.1.2. Căn cứ vào Quy hoạch phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	92
3.1.3. Căn cứ vào thực trạng khảo sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Bạc Liêu	93

3.2. Định hướng cho việc đề xuất các giải pháp	94
3.2.1. Tính khả thi	94
3.2.2. Tính hiệu quả.....	94
3.3. Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.....	95
3.3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	95
3.3.2. Tăng cường công tác truyền thông và tư vấn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	96
3.3.3. Tăng cường các điều kiện nâng cao năng lực và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	102
KẾT LUẬN	114
DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO	116
PHỤ LỤC	

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Cụm từ tương ứng
1	LĐNT	Lao động nông thôn
2	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
3	CSDN	Cơ sở dạy nghề
4	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
5	GDTX	Giáo dục thường xuyên
6	TTDN	Trung tâm dạy nghề
7	TCN	Trung cấp nghề
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	GV	Giáo viên
10	UBND	Ủy ban nhân dân
11	%	Tỷ lệ phần trăm
12	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
13	CT	Chỉ thị
14	TW	Trung ương
15	TTg	Thủ tướng
16	QĐ	Quyết định
17	NQ	Nghị quyết
18	KH	Kế hoạch
19	TTDN	Trung tâm dạy nghề
20	SL	Số lượng
21	TL%	Tỷ lệ %
22	TCN	Trung cấp nghề
23	CDN	Cao đẳng nghề

II

24	LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
25	TTLĐ	Trung tâm lao động
26	KTQD	Kinh tế quốc dân
27	ĐHSPKT P.HCM	Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
28	ĐBSCL	Đồng bằng sông cửu long
29	KTXH	Kinh tế xã hội
30	THCS	Trung học cơ sở
31	THPT	Trung học phổ thông
32	ĐTN	Đào tạo nghề
33	IPM	Một chiến lược dựa trên hệ sinh thái
34	HTX	Hợp tác xã
35	AI	Trí tuệ nhân tạo
36	GRDP	Là tổng sản phẩm tính trên một vùng, một tỉnh hay một thành phố nào đó

III

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Danh sách các cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề	49
Bảng 2.2: Kết quả dạy nghề cho LĐNT từ năm 2016 – 2022	50
Bảng 2.3: Kết quả khảo sát đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề	52
Bảng 2.4: Kết quả khảo sát trình độ học vấn của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT	53
Bảng 2.5: Số lượng giáo viên dạy nghề cho LĐNT.....	54
Bảng 2.6: Thực trạng việc đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh từ năm 2016 - 2022	55
Bảng 2.7: Kết quả khảo sát về giáo viên đào tạo nghề cho LĐNT.....	56
Bảng 2.8: Ngành học của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT	58
Bảng 2.9: Kết quả khảo sát tình hình học viên làm nghề đã học.....	59
Bảng 2.10: Kết quả khảo sát lý do học viên nghỉ làm với nghề đã học.....	59
Bảng 2.11: Kết quả khảo sát chương trình dạy nghề cho LĐNT	61
Bảng 2.12: Kết quả khảo sát tỷ lệ kiến thức học viên.....	62
áp dụng vào công việc sau khi học nghề.....	62
Bảng 2.13: Kết quả khảo sát về nguồn thông tin học nghề của LĐNT	63
Bảng 2.14: Kết quả khảo sát về cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho LĐNT	65
Bảng 2.15: Thực trạng chính sách hỗ trợ LĐNT học nghề.....	75
Bảng 2.16: Đánh giá chính sách công tác đào tạo nghề LĐNT.....	76
Bảng 2.17: Đánh giá chính sách đối với các CSDN công tác đào tạo nghề LĐNT đối với các CSDN.....	78
Bảng 2.18: Đánh giá sự phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp	79
Bảng 3.1: Tổ công tác thông tin.....	99

IV

Bảng 3.2: Tổ công tác dạy nghề.....	107
Bảng 3.3: Kinh phí địa phương hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT	111
Bảng 3.4: Tổ công tác tài chính	113

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Bạc Liêu.....	45
Hình 2.2: Biểu đồ kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	57
Hình 3.1: Sơ đồ hoạt động của Tổ công tác thông tin	101

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình.

Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, bình quân mỗi năm sẽ đào tạo cho hơn một triệu lao động nông thôn, trong đó đào tạo và bồi dưỡng cho 100 nghìn cán bộ và công chức xã; qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, để tăng thu nhập lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Đề án cũng chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn.

Bạc Liêu là một tỉnh có gần 80% dân số hoạt động kinh tế lao động nông nghiệp. Do đó, người lao động nông thôn trong tỉnh luôn được Đảng, chính quyền các cấp quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Tỉnh đã chú trọng trong việc triển khai thực hiện đề án 1956 trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập và phát triển, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp đạt 46,3% (giai đoạn 2010-2015) và được nâng lên 63,44% (giai đoạn 2015-2020). Mặc dù LĐNT được đào tạo nghề với tỷ lệ tương đối nhưng trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề của lao động nông thôn chưa đủ điều kiện để tham gia lao

động sản xuất trong nền kinh tế thị trường. Mạng lưới dạy nghề chưa phát triển mạnh, cơ sở vật chất cho dạy nghề còn lạc hậu chưa được đầu tư đáp ứng yêu cầu dạy nghề cho người lao động, chất lượng đào tạo nghề những năm qua chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mặc dù nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất lớn. Mặt khác, thời gian qua lao động sau khi học nghề có người không tìm được việc làm, có người phải đi tìm việc làm ở các tỉnh khác (*do nghề đào tạo không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương; một số lao động tâm lý không muốn đi làm xa nhà; một số không đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp,...*). Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải gắn với giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, từng bước làm giàu cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh và góp phần giảm nghèo bền vững. Nhưng để LĐNT có việc làm ổn định sau khi học nghề đòi hỏi chất lượng đào tạo nghề phải được nâng cao hơn nữa, có như thế mới đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp hiện nay.

Từ những lý do trên, người viết chọn đề tài “*Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp*” làm đề tài nghiên cứu và viết khóa luận cuối khóa, với mong muốn góp phần thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong những năm qua, vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhận được sự quan tâm của nhiều tác giả trong nước, đã có nhiều nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cụ thể:

Tác giả Nguyễn Thị Thúy Kiều “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho

lao động nông thôn của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang”, năm 2016 đã đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; đồng thời đưa ra một số giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở địa phương;

Tác giả Nguyễn Khuyến “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”, năm 2017 đã đánh giá kết quả thực hiện Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh;

Tác giả Đào Trọng Đại “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, năm 2018, đã nêu lên thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

Tác giả Hồ Thanh Hải “Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề may dân dụng cho lao động nông thôn tại khu dân cư vượt lũ huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ”, năm 2018, đã đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề may dân dụng cho lao động nông thôn tại khu dân cư vượt lũ huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ;

Tác giả Trần Thị Thu Trang “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang”, năm 2019 đã nêu lên thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương này;

Tác giả Nguyễn Tiến Dũng “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế” đã nêu ra một số kết quả trong công tác đào tạo nghề cho lao động ở nước ta và đề xuất một số hướng giải pháp nhằm

nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động.

Từ những nghiên cứu trên cho thấy đã có nhiều tác giả nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tuy nhiên chưa có nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

Ngoài ra, tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956. Theo đó, Tỉnh đã có nhiều phân tích đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Từ các báo cáo đánh giá cho thấy còn nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn như: đào tạo một chiều, ít có nghiên cứu để đánh giá nhu cầu của doanh nghiệp để thực hiện đào tạo theo nhu cầu. Do vậy, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài “*Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp*” nhằm đánh giá đúng thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp nhằm tạo được việc làm bền vững cho người lao động nông thôn trong tỉnh.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đưa ra một số giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

Phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn 2016 đến 2020; tầm nhìn đến năm 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đặt ra, tác giả đã sử dụng dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp với các kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu khác nhau.

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp: Các số liệu thống kê về tình hình lao động – việc làm của lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu; các chương trình, hình thức đào tạo nghề; các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở tỉnh Bạc Liêu. Các dữ liệu này được tác giả tổng hợp, thu thập từ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như một số Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội của tỉnh Bạc Liêu.

- Dữ liệu sơ cấp: Dữ liệu này bao gồm các kết quả khảo sát cũng như kết quả phỏng vấn người học, giảng viên và cán bộ quản lý nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nghề; những thuận lợi và khó khăn trong quá trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Để có nguồn dữ liệu này, tác giả thu thập bằng các phương pháp sau:

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Để tiến hành khảo sát thực trạng công tác đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu, người nghiên cứu thiết kế 03 Phiếu khảo sát (*Phụ lục 1: Mẫu 1, Mẫu 2, Mẫu 3*) đối với học viên, giáo viên,

cán bộ quản lý ở các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu với số lượng khảo sát như sau: (1) Học viên: 260; (2) Giáo viên: 70; (3) Cán bộ quản lý: 40.

+ Phương pháp phỏng vấn sâu: Để hiểu nhu cầu lao động của doanh nghiệp và đánh giá được mức độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, tác giả đã phỏng vấn 05 lãnh đạo doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 15 phút.

5.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Trong quá trình nghiên cứu tác giả xử lý thông tin bằng máy vi tính, sử dụng các phương pháp phân tổ, phân nhóm. Áp dụng một số tiêu thức chuẩn để đánh giá kết quả, hiệu quả của từng loại đào tạo và quản lý trong các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Các phiếu quả khảo sát được tác giả loại bỏ phiếu trắng, những phiếu không đạt yêu cầu. Tất cả các phiếu đạt yêu cầu được tác giả nhập dữ liệu vào excel.

Trong quá trình phân tích tác giả chủ yếu dùng phương pháp thống kê mô tả các hiện tượng kinh tế xã hội bằng việc mô tả thông qua các chỉ tiêu tổng hợp như số tuyệt đối, số tương đối, bình quân. Ngoài mô tả mức độ phương pháp thống kê còn dùng để mô tả quá trình biến động và mối quan hệ giữa các hiện tượng. Phương pháp thống kê mô tả còn được dùng để so sánh và mô tả các hiện tượng trên cơ sở phân tổ, phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường của công tác dạy nghề, từ đó rút ra những kết luận, những nhận xét giúp cho công tác dạy nghề ngày càng được hoàn thiện hơn, đồng thời đưa ra những giải pháp hữu hiệu, phù hợp với công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Tác giả sử dụng để so sánh, đánh giá một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các đào tạo và quản lý dạy nghề so với từng năm, so sánh giữa kết quả đạt được với bản kế hoạch đề ra,

so sánh kết quả đạt được hàng năm so với các đơn vị tương đương, so sánh chất lượng sản phẩm (người được học nghề, người được bổ túc nâng cao trình độ giữa các Trung tâm trong huyện và mặt bằng toàn quốc) từ đó tìm ra mô hình hiệu quả nhất và đề xuất những giải pháp trước mắt và lâu dài để phát triển đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Phương pháp chuyên gia

Tác giả tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các cán bộ giáo viên dạy nghề, ý kiến của các nhà lãnh đạo địa phương về công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu để thu thập và phân tích đánh giá vấn đề được khách quan.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là những bổ sung quan trọng vào lý luận nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp bao gồm đặc điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hình thức đào tạo nghề, các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp...

- Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu luận văn “Nâng cao chất lượng chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp” đã chỉ ra rằng chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu ngày càng được cải thiện. Hình thức đào tạo ngày càng đa dạng và phong phú. Chương trình đào tạo gắn kết với thực tiễn hơn... Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vẫn còn một số hạn chế bất cập như hiệu quả sau đào tạo được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn so với nhu cầu doanh nghiệp; cơ sở đào tạo thiếu trang thiết bị... Trên cơ sở những hạn chế đó, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp.

7. Nội dung của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Lao động nông thôn

Nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn thường bao quanh các đô thị (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), ở đó hoạt động nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ sản xuất hàng hóa thấp và mức sống của người dân thấp. Tuy nhiên, ở nông thôn những di sản văn hóa, phong tục tập quán cổ truyền phong phú. Như vậy, nông thôn có những đặc trưng sau:

- Nông thôn là vùng lãnh thổ sinh sống của cộng đồng dân cư chủ yếu là nông dân, là vùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có các hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp và cho cộng đồng nông thôn. Sản xuất chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

- So với đô thị, nông thôn có cơ sở hạ tầng, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn.

- Nông thôn là vùng có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp hơn đô thị. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng thấp hơn.

Nguồn lao động nông thôn là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn là bộ phận của nguồn lao động ở nông

thôn bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Tuy nhiên do đặc điểm, tính chất, mùa vụ của công việc ở nông thôn mà lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà còn có những người trên hoặc dưới độ tuổi lao động tham gia sản xuất với những công việc phù hợp với mình. Từ khái niệm nguồn lao động ở nông thôn mà ta thấy lao động ở nông thôn rất dồi dào, nhưng đây cũng chính là thách thức trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn.

Theo PGS.TS Nguyễn Tiệp (2008): “Lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn, khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn”.

Dựa vào một số khái niệm nêu trên, có thể đưa ra cách tiếp cận khái niệm lao động nông thôn là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động thuộc khu vực nông thôn.

1.1.2. Khái niệm nghề

Quan niệm về “Nghề” ở mỗi quốc gia có sự khác nhau nhất định. Ở Nga, nghề được hiểu là một loại hoạt động lao động đòi hỏi có sự đào tạo nhất định và thường là nguồn gốc của sự sinh tồn. Ở Pháp, nghề là một loại lao động có thói quen về kỹ năng, kỹ xảo của một người để từ đó tìm được phương tiện sống. Ở Đức được định nghĩa là hoạt động cần thiết cho xã hội ở một lĩnh vực lao động nhất định đòi hỏi phải được đào tạo ở trình độ nào đó. Ở Việt Nam, nghề là một tập hợp lao động do sự phân công lao động xã hội quy định mà giá trị của nó trao đổi được. Nghề mang tính tương đối, nó phát sinh, phát triển hay mất đi do trình độ của nền sản xuất và nhu cầu xã hội.

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào

tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng những nhu cầu của xã hội.

Tác giả E.A.Klimov (2018) viết: “Nghề là một lĩnh vực sử dụng sức lao động vật chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động xã hội mà có). Nó tạo cho con người khả năng sử dụng lao động của mình để thu lấy những phương tiện cần thiết cho việc tồn tại và phát triển”.

Nghề xuất hiện trong xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu làm ăn, sinh sống của con người và đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH theo nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội, nhiều khu vực lãnh thổ và cộng đồng. Những yêu cầu về mặt số lượng, chất lượng của sản phẩm lao động đòi hỏi phải có những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, thái độ lao động đã buộc con người muốn hoạt động được trong nghề phải được học hỏi, được đào tạo. Theo từ điển tiếng Việt: “ nghề là công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội”.

Bên cạnh khái niệm nghề được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau song chúng ta có thể thấy một số nét đặc trưng nhất định:

- Nghề là hoạt động, là công việc lao động của con người được lặp đi lặp lại.
- Nghề là sự phân công lao động xã hội, phù hợp với yêu cầu xã hội.
- Nghề là phương tiện để sinh sống.
- Nghề là lao động kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt có giá trị trao đổi trong xã hội, đòi hỏi phải có quá trình đào tạo nhất định.

Theo giáo trình quản trị nhân lực, trường Đại học Kinh tế quốc dân (2013): “Nghề là tập hợp những công việc tương tự về nội dung và có liên quan với nhau ở mức độ nhất định với những đặc tính vốn có, đòi hỏi người lao động có những hiểu biết đồng bộ về chuyên môn nghiệp vụ, có những kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện”. Ví dụ các công việc kế

toán, kiểm toán đều thuộc nghề Tài chính.

1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề

Theo Trần Xuân Cầu (2021), đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức nhất định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để họ có thể đảm nhận một công việc nhất định. Hay nói cách khác đó là quá trình truyền đạt, lĩnh hội những kiến thức và kỹ năng cần thiết để người lao động có thể thực hiện một công việc nào đó trong tương lai.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, khái niệm “Đào tạo nghề là hoạt động nhằm trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng và thái độ lao động cần thiết để người lao động sau khi hoàn thành khoá học hành được một nghề trong xã hội”.

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 thì: “Đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp”. Đào tạo nghề là hoạt động nhằm trang bị cho lao động nông thôn những kiến thức nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ cho lao động nông thôn, để họ có thể đảm nhận được một số công việc nhất định.

Theo Các-Mác, công tác đào tạo nghề phải bao gồm các thành phần: Giáo dục trí tuệ, giáo dục thể lực trong các trường thể dục thể thao hoặc bằng cách huấn luyện quân sự và dạy kỹ thuật nhằm giúp học sinh nắm vững được những nguyên lý cơ bản của tất cả các quá trình sản xuất, đồng thời biết sản xuất các công cụ đơn giản nhất.

Tóm lại, đào tạo nghề là những hoạt động giúp cho người học có được các kiến thức về lý thuyết và kỹ năng thực hành một số nghề nào đó sau một thời gian nhất định, người học có thể đạt được một trình độ để tự hành nghề, tìm việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao tay nghề theo những chuẩn mực

mới. Đào tạo nghề bao gồm quá trình giảng viên truyền dạy những kiến thức về lý thuyết và thực hành để các học viên có được trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp và quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của lao động nông thôn để đạt được một trình độ nhất định.

Đào tạo nghề phục vụ cho mục tiêu kinh tế - xã hội, trước hết là phương hướng phân công lao động mới, tạo cơ hội cho mọi người được học tập và định hướng nghề nghiệp để thuận lợi trong việc tìm kiếm việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

Đào tạo nghề gồm đào tạo nghề dài hạn và đào tạo nghề ngắn hạn. Đào tạo nghề dài hạn được thực hiện dưới hình thức đào tạo mới và đào tạo lại nhằm cung cấp một đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề, đủ khả năng tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đáp ứng nguồn nhân lực có kỹ thuật cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, xuất khẩu lao động. Đào tạo nghề ngắn hạn, dạy nghề tổ chức theo lớp học - vừa học lý thuyết vừa thực hành; dạy nghề theo hình thức kèm cặp tại xưởng hoặc tại nơi sản xuất - chủ yếu rèn luyện kỹ năng thực hành nghề; chuyển giao công nghệ - truyền lại cho người học nghề những công nghệ mới, bí quyết công nghệ được sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh nhằm tạo cơ hội cho người lao động tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm.

1.1.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và yêu cầu của doanh nghiệp đối với người lao động

1.1.4.1. Yêu cầu của doanh nghiệp đối với người lao động nông thôn

Ở mỗi vị trí việc làm khác nhau, các doanh nghiệp đặt ra những tiêu chuẩn, yêu cầu khác nhau đối với người lao động, trong đó có lao động nông thôn. Về cơ bản, những yêu cầu của doanh nghiệp gồm các mặt sau:

- Yêu cầu về số lượng lao động nông thôn: Mặt này phản ánh số lượng lao động nông thôn được đào tạo hiện nay có đáp ứng được số chỗ vị trí việc làm mà doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng hay không. Hay nói cách khác, số lượng lao động nông thôn chính là cung lao động nông thôn có khả năng và sẵn sàng làm việc so với nhu cầu của doanh nghiệp. Khi đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về mặt số lượng lao động thường xảy ra các trường hợp sau:

(1) Thiếu lao động nông thôn: Số lao động nông thôn hiện có không đáp ứng số chỗ vị trí việc làm mà doanh nghiệp cần có.

(2) Thừa lao động nông thôn: Đây là tình trạng số lao động nông thôn hiện có đang nhiều hơn so với số chỗ vị trí việc làm mà doanh nghiệp cần.

(3) Cân bằng: Đây là trạng thái số lượng lao động nông thôn đáp ứng vừa đủ so với nhu cầu sử dụng lao động nông thôn của doanh nghiệp.

(4) Vừa thừa vừa thiếu: Đây là tình trạng doanh nghiệp thừa lao động ở một số vị trí việc làm nhưng lại thiếu lao động ở một số vị trí việc làm khác. Chính vì vậy, doanh nghiệp cần có các giải pháp để sử dụng lao động hiệu quả hơn.

- Yêu cầu về chất lượng lao động nông thôn: Ngoài đáp ứng về yêu cầu số lượng, lao động nông thôn cần đáp ứng về chất lượng lao động. Đây là yêu cầu quan trọng bởi nếu đáp ứng được yêu cầu này, doanh nghiệp sẽ sở hữu nguồn nhân lực lành nghề, chất lượng cao. Chất lượng lao động nông thôn có thể bao gồm phẩm chất đạo đức, thể chất, năng lực và thẩm mỹ của lao động nông thôn, có ảnh hưởng quyết định đến việc hoàn thành những mục tiêu hiện tại và tương lai của doanh nghiệp. Đối với lao động nông thôn, doanh nghiệp thường đặt ra những yêu cầu như:

+ Trạng thái sức khỏe của lao động nông thôn: Là trạng thái thoải mái về thể chất cũng như tinh thần của người lao động.

+ Trình độ văn hóa của lao động nông thôn: Được biểu hiện bằng sự hiểu biết của người lao động của doanh nghiệp đối với kiến thức phổ thông về tự nhiên và xã hội (như tỷ lệ nhân lực qua các lớp học, số lượng nhân lực biết chữ...). Trình độ văn hóa tạo ra khả năng vận dụng và tiếp thu một cách nhanh chóng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các hoạt động trong doanh nghiệp.

+ Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn: Là sự hiểu biết, khả năng thực hành về một chuyên môn, lĩnh vực, nghề nghiệp nào đó trong doanh nghiệp, được thể hiện bằng cơ cấu cấp bậc đào tạo (sơ cấp, trung cấp, cao cấp); cơ cấu lao động được đào tạo và chưa đào tạo; cơ cấu lao động kỹ thuật và các nhà chuyên môn; cơ cấu trình độ đào tạo. Trình độ chuyên môn kỹ thuật được xem là chỉ tiêu quan trọng nhất, nó phản ánh chất lượng lao động, cho thấy khả năng áp dụng tiến bộ khoa học hiện đại vào các hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn chú trọng đến các vấn đề liên quan đến phẩm chất, thái độ và các yếu tố liên quan đến hành vi ứng xử của lao động nông thôn.

1.1.4.2. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người lao động nông thôn có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp.

Như vậy, có thể nói rằng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp là hoạt động đào tạo nhằm trang bị cho lao động nông thôn những kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng các yêu cầu không chỉ về số lượng mà cả chất lượng lao động.

1.2. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Lao động nông thôn là lực lượng lao động sống chủ yếu tham gia sản xuất trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Do tính chất riêng của ngành nên tác giả đưa ra một số đặc điểm chủ yếu của đào tạo nghề cho lao động nông thôn như sau:

- Về nguồn lực: chủ yếu do ngân sách Nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung và dạy nghề cho LĐNT nói riêng, nhưng chưa tương xứng với nhu cầu học nghề của người lao động cũng như yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề của các cơ sở đào tạo; mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển ở khu vực nông thôn, vùng xa, số lượng cơ sở dạy nghề rất ít, quy mô dạy nghề nhỏ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống các cơ sở ĐTN công lập như: các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp dạy nghề, các trường Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề. Song các trường Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề thường tập trung ở các thành phố lớn, các khu đô thị; các trung tâm dạy nghề mới thành lập ở các quận, huyện, quy mô dạy nghề còn khá khiêm tốn, cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học nghề.

Theo Đề án 1956, nhà nước hỗ trợ chi phí ĐTN, hỗ trợ tiền chi phí học nghề cho các học viên là người có công với cách mạng, người nghèo, người cận nghèo...; hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý, có cơ chế đãi ngộ phù hợp để thu hút những người giỏi, có năng lực giảng dạy tại các cơ sở đào tạo; hỗ trợ đầu tư thiết bị dạy nghề cho các cơ sở ĐTN công lập...

- Về đối tượng: là những người thuộc lực lượng lao động và hoạt động trong hệ thống kinh tế nông thôn; không phân biệt giới tính, tổ chức, cá nhân sinh sống ở vùng nông thôn, có độ tuổi từ 15 trở lên, hoạt động sản xuất ở

nông thôn.

Đối tượng học nghề ở nông thôn tương đối đa dạng: ở nhiều độ tuổi khác nhau, có người chưa đến tuổi lao động hoặc ngoài tuổi lao động, có người là cán bộ hưu trí, có người là đối tượng có công với cách mạng, có người là cán bộ, công chức xã; trình độ học vấn khác nhau; nhu cầu ngành nghề cần học của người lao động cũng rất khác nhau.

- Về hình thức: ĐTN cho LĐNT được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các DN, công ty, tập đoàn; dạy nghề lưu động tại các xã, thôn; dạy nghề tại các DN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; dạy nghề gắn với các vùng chuyên canh, làng nghề; ĐTN có thể thông qua hình thức dạy nghề hoặc truyền nghề; đào tạo nghề mới, đào tạo lại nghề và bồi dưỡng nâng cao tay nghề; xét theo thời gian có ĐTN ở trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề hay sơ cấp nghề.

- Về phương pháp: Đa dạng hóa phương pháp ĐTN và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền như đào tạo tập trung tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề đối với người nông dân chuyển đổi nghề nghiệp; ĐTN trực tiếp cho nông dân tại các làng, xã, thôn; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường nơi người lao động làm việc.

1.3. Hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.3.1. Theo phương thức đào tạo

Đào tạo nghề tại các trường dạy nghề.

Dạy nghề: là truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để người học có trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH. Dạy nghề là phương thức đào tạo quy mô lớn những công nhân kỹ thuật có trình độ cao, thời gian đào tạo tập trung từ hai đến bốn năm. Được tổ chức tại các tổ chức chuyên nghiệp có:

- Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ cho việc dạy nghề.
- Đội ngũ giáo viên đủ khả năng chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy.
- Chương trình dạy được biên soạn thống nhất.

- Phương thức này có ưu điểm: Chương trình học được xây dựng một cách có hệ thống từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, do đó học viên nắm được kiến thức cơ bản và kỹ năng nghiệp vụ một cách nhanh chóng và dễ dàng. Khi ra trường, học viên có thể chủ động giải quyết công việc, có khả năng đảm nhận công việc tương đối phức tạp, có trình độ lành nghề cao.

Tuy nhiên, do yêu cầu về cơ sở vật chất và giáo viên giảng dạy nên chi phí đào tạo khá lớn, mất khác thời gian đào tạo dài, gây khó khăn trong việc thu hút người lao động nông thôn tham gia học nghề.

Đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp.

Các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp thường do các doanh nghiệp tự tổ chức và thực hiện. Mở các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công nhân kỹ thuật đang thiếu hụt và nhu cầu công nhân kỹ thuật lâu dài của doanh nghiệp. Hình thức này không đòi hỏi phải có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật riêng, không cần bộ máy chuyên trách mà dựa vào điều kiện sẵn có của doanh nghiệp. Phần lý thuyết do các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật thực hiện. Phần thực hành được tiến hành tại doanh nghiệp do các kỹ sư và công nhân lành nghề hướng dẫn.

Hình thức này có ưu điểm là:

- Học viên học lý thuyết tương đối có hệ thống và được trực tiếp tham gia lao động sản xuất tại doanh nghiệp (gắn ngay học với hành).
- Bộ máy quản lý gọn, chi phí đào tạo không cao. Tuy nhiên, hình thức đào tạo này chỉ có thể thực hiện được ở những doanh nghiệp tương đối lớn.

Đào tạo nghề tại các Trung tâm đào tạo.

Là loại hình đào tạo nghề ngắn hạn, phần lớn dưới 1 năm. Đối tượng chủ yếu là đào tạo phổ cập nghề cho thanh niên và người lao động.

Ưu điểm của hình thức này là:

- Thu hút đông đảo người học vì các thủ tục học thường dễ dàng, thời gian hợp lý.

- Nghề đào tạo đa dạng và các trung tâm dạy nghề gắn với giới thiệu việc làm nên hỗ trợ được người lao động trong khi tìm việc.

- Chi phí đào tạo không lớn.

Tuy nhiên, hạn chế của hình thức này là quy mô nhỏ, kiến thức lý thuyết ở mức thấp, thiếu đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, thiếu máy móc, thiết bị, phương tiện hiện đại cho thực hành nghề.

Truyền nghề.

Truyền nghề: Là truyền bá kỹ năng thực hành để người lao động nông thôn có được trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp. Đây là phương thức đào tạo được áp dụng trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong các gia đình làm nghề thủ công truyền thống. Vì được đào tạo các nghề chuyên sâu tại nơi người học sẽ làm việc, nên nội dung đào tạo của truyền nghề rất sát với môi trường và tính chất nghề mà người lao động hoạt động. Tuy nhiên, phương thức này diễn ra với quy mô nhỏ, người dạy nghề không chuyên nên thiếu kinh nghiệm. Đôi khi người học còn bắt chước cả những kỹ năng không hợp lý của người hướng dẫn. Hình thức này chỉ thích hợp với những công việc không đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

1.3.2. Theo mức độ truyền bá kiến thức nghề

Hình thức đào tạo này có thể chia thành 3 loại sau:

Đào tạo nghề mới: Là đào tạo những người chưa có nghề. Đào tạo mới nhằm tăng thêm lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cho xã hội. Đào tạo mới có thể thực hiện ở các cơ sở dạy nghề chuyên hoặc trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đào tạo lại: Là đào tạo với những người có nghề nhưng do yêu cầu mới của sản xuất và tiến bộ kỹ thuật dẫn đến việc thay đổi cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn, nên cần đào tạo lại cho phù hợp với cơ cấu ngành nghề và trình độ mới, đáp ứng yêu cầu công việc. Đào tạo lại giúp người lao động có cơ hội học tập một lĩnh vực chuyên môn mới để thay đổi nghề, nên thường được thực hiện ở cơ sở đào tạo chuyên.

Bồi dưỡng nâng cao tay nghề: Là quá trình cập nhật kiến thức còn thiếu, bổ túc nghề, đào tạo thêm hoặc củng cố các kỹ năng nghề nghiệp theo từng chuyên môn. Hình thức này cũng thường được thực hiện ở cơ sở đào tạo chuyên.

1.3.3. Theo thời gian, nội dung chương trình đào tạo

Theo hình thức này có thể chia thành 2 hình thức sau:

Đào tạo dài hạn: là đào tạo một cách bài bản, theo chương trình chuẩn. Thời gian đào tạo từ 1 đến 4 năm tùy theo loại nghề, mức độ phức tạp của nghề. Đào tạo dài hạn chủ yếu được thực hiện ở các trường dạy nghề, các trường trung cấp kỹ thuật và các trường cao đẳng có đào tạo nghề. Đây là những cơ sở đào tạo nghề có đủ điều kiện để tổ chức dạy nghề dài hạn.

Đào tạo ngắn hạn: là đào tạo nghề theo chương trình với thời gian từ một vài tháng đến dưới 1 năm. Dạy nghề ngắn hạn thường tập trung ở các trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề độc lập hoặc gắn với doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo khác có đăng ký dạy nghề ngắn hạn theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1.3.4. Các phương thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

1.3.4.1. Dạy nghề cho lao động nông thôn tại vùng chuyên canh, thâm canh

Mục tiêu tổng quát của các lớp đào tạo nghề cho vùng chuyên canh, chuyên con là giúp bà con nông dân nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm để tăng giá trị kinh tế sau thu hoạch, đồng thời nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với cộng đồng ngay nơi bà con sinh sống.

* Dạy nghề vùng chuyên canh tôm công nghiệp, tôm siêu thâm canh, tôm - lúa:

Việc dạy nghề cho bà con do các doanh nghiệp tổ chức hoặc phối hợp với các CSDN cùng thực hiện. Sau khi học nghề, bà con được các doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm sau thu hoạch với giá đảm bảo có lời cho bà con trong mọi trường hợp thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp tốt hay xấu.

* Dạy nghề chuyên canh cây lương thực, thực phẩm, rau sạch, hoa quả

Các viện nghiên cứu, cơ sở dạy nghề phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho bà con; gắn dạy nghề với giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm cho bà con sau khi học nghề.

Trong quá trình đào tạo, bà con ngoài việc được học kỹ năng nghề, còn được cung cấp các kiến thức về bảo vệ thực vật, các quy định quốc tế về an toàn thực phẩm (GAP).

* Dạy nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản

Các viện nghiên cứu phối hợp với các cơ sở dạy nghề và chính quyền địa phương vừa tổ chức đào tạo nghề cho bà con vừa phát triển sản xuất.

Sau khi học nghề, bà con sẽ biết cách chuẩn bị ao hồ, chuồng trại theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường; biết lựa chọn con giống tốt; biết chăm sóc cho ăn đúng qui trình kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất

lượng và hiệu quả kinh tế. Nhờ đó, bà con nông dân có thể thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, tự cấp tự túc, năng suất thấp, sản lượng ít và phân tán tiến lên phát triển kinh tế nông hộ với quy mô sản xuất lớn, năng suất cao, các nông hộ sẽ hợp lại tạo thành vùng hàng hoá tập trung. Thiết thực xoá đói giảm nghèo, bà con tiến lên làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương mình.

Doanh nghiệp sẽ bao tiêu sản phẩm cho bà con sau khi học nghề.

1.3.4.2. Dạy nghề cho lao động nông thôn trong các làng nghề

Công tác dạy nghề cho lao động trong các làng nghề nhằm đào tạo đội ngũ thợ trẻ để phục hồi, duy trì và phát triển nghề truyền thống. Dạy nghề kết hợp với xây dựng vùng nguyên liệu, bao tiêu sản phẩm để giúp làng nghề có thể đứng vững, ổn định và phát triển.

* Dạy nghề tại các làng nghề truyền thống:

Bà con nông dân là lao động sống tại các làng nghề nhưng chưa được đào tạo nghề, nếu có nhu cầu học nghề sẽ được các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, hợp tác xã, hiệp hội làng nghề thủ công mỹ nghệ, trung tâm phát triển nghề truyền thống... tổ chức dạy nghề.

Đến với các lớp dạy nghề này, bà con sẽ được giáo viên là những thợ giỏi của doanh nghiệp, thợ giỏi của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, là những nghệ nhân, trực tiếp hướng dẫn kỹ năng nghề, chia sẻ kinh nghiệm trong làm nghề. Đặc biệt là phương pháp dạy nghề "cầm tay chỉ việc" sẽ tạo cơ hội cho bà con chưa biết đọc, biết viết vẫn có thể theo học nghề.

Sau khi học nghề, bà con được doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu hoặc tự mua nguyên liệu, doanh nghiệp thuê bà con gia công sản phẩm, tạo điều kiện cho bà con tổ chức sản xuất, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

* Dạy nghề làm các sản phẩm thủ công xuất khẩu, kết hợp với xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm:

Địa phương nơi bà con sinh sống có nghề làm các sản phẩm thủ công

để xuất khẩu hoặc địa phương thuộc vùng quy hoạch trồng nguyên liệu để cung cấp cho các cơ sở sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống. Nếu bà con có nhu cầu học nghề, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sản phẩm thủ công mỹ nghệ sẽ trực tiếp tổ chức dạy nghề cho bà con.

Sau khi học nghề, bà con có thể:

Trồng và bán nguyên liệu cho doanh nghiệp.

Nhận nguyên liệu gia công sản phẩm, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

* Dạy nghề, nhằm phát triển làng nghề mới - “cây nghề”:

Bà con nông dân đang sinh sống tại địa phương thiếu ruộng đất, có nhiều nhân lực, thiếu việc làm, có nhu cầu quy hoạch làng nghề mới theo quy hoạch của chính quyền địa phương. Bà con chưa có việc làm hoặc ít việc làm, có nhu cầu học nghề mới để hành nghề sinh sống. Bà con có thể tham gia các khóa đào tạo nghề do doanh nghiệp phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện hoặc xây dựng mới cơ sở đào tạo tại các địa phương để tổ chức đào tạo với hình thức đào tạo tập trung, vừa học vừa làm.

Sau một số khóa đào tạo nghề, sẽ có một số lượng lớn bà con được đào tạo nghề, trở về địa phương hành nghề đông đảo, dần dần hình thành làng nghề mới.

Hiệp hội Làng nghề Việt Nam và doanh nghiệp sản xuất nghề truyền thống là thành viên của Hiệp hội sẽ kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho làng nghề phát triển.

Sau nhiều năm sản xuất, hình thành làng nghề mới, nếu nông hộ của bà con có đủ tiềm lực kinh tế, kỹ thuật và có khả năng tự tổ chức sản xuất, tiếp thị mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thì không nhất thiết phụ thuộc vào một doanh nghiệp nào. Sản xuất của làng nghề sẽ phát triển bền vững.

1.3.4.3. Dạy nghề tại đồng ruộng (Farmer Field Schools)

Dạy nghề tại đồng ruộng (FFS) cho người nông dân được tổ chức ngay trên cánh đồng ruộng và kéo dài suốt một mùa vụ. Khóa học trải qua tất cả các giai đoạn sinh trưởng, cũng như tất cả các khâu chăm sóc, bảo vệ và quản lý cây trồng. Người học là bà con nông dân làm trung tâm và được phát huy tính tích cực chủ động của mình.

Trong một khóa FFS, bà con nông dân sẽ được làm, những thí nghiệm trên ruộng IPM và ruộng nông dân (quản lý theo cách của nông dân thường làm). Qua thí nghiệm đó, bà con có thể so sánh được hiệu quả của những tác động theo IPM với tác động thông thường lên cây trồng. Một lớp học FFS sẽ không được coi là hoàn tất nếu thiếu các thí nghiệm đồng ruộng.

1.4. Nội dung công tác đào tạo nghề

1.4.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn

Đào tạo nghề là nhu cầu thiết thực đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của xã hội. Được đào tạo nghề cơ bản, người lao động có nhiều cơ hội xin việc trong các môi trường làm việc chuyên nghiệp, thu nhập cao và cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên, vẫn không ít đơn vị, địa phương thiếu quan tâm và chưa chú trọng đến công tác đào tạo nghề; mặt khác, do người dân chưa hiểu hết về hiệu quả của việc học nghề vì vậy việc vận động người tham gia học nghề lại càng trở nên khó khăn. Nhưng với sự quyết tâm và vì lợi ích đời sống người dân, cần xem công tác tuyên truyền tư vấn học nghề là nhiệm vụ chính trị quan trọng và giúp người dân có cách nhìn đúng đắn hơn về học nghề. Mỗi địa phương trong cả nước cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề đối với lao động nông thôn, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, để từ đó có ý thức chủ động, tự giác trong việc tham gia học nghề cũng như có sự lựa chọn nghề nghiệp với bản thân và nhu cầu của địa phương.

Để công tác tuyên truyền có hiệu quả cần có sự phối kết hợp của các cơ quan tổ chức như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên CSHCM, Hội Nông dân tỉnh...)

1.4.2. Xác định nhu cầu, ngành nghề và đối tượng đào tạo

1.4.2.1. Xác định nhu cầu đào tạo

Nhu cầu đào tạo nghề là mong muốn được tham gia, được hiểu biết và thực hành về một hay một số nghề phù hợp với điều kiện của mỗi người lao động đó. Nó là cơ sở quan trọng để hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện đào tạo nghề như: xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên đào tạo nghề. Nhu cầu đào tạo cũng có thể được tính toán từ việc xem xét điều kiện vật chất và con người có thể huy động cho đào tạo nghề với nhu cầu từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc xem xét mối quan hệ giữa nhu cầu xã hội và khả năng về các điều kiện có thể huy động là quy trình hợp lý nhất để xác định nhu cầu đào tạo nghề tại một quốc gia, một vùng, một địa phương trong thời gian nhất định.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét tới đối tượng của hoạt động đào tạo nghề - những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Từ phía người sử dụng lao động: sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển

kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp nhẹ, dệt may, da giày, chế biến lương thực thực phẩm,... thì yêu cầu về trình độ lao động không cao, vì vậy lao động đã qua đào tạo nghề sẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Đối với những địa phương kinh tế chưa phát triển, chậm phát triển hay kinh tế xác hội còn nhiều khó khăn thì lao động địa phương chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc đã qua đào tạo nhưng tay nghề chưa cao. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của người lao động và sự phát triển của đào tạo nghề tại địa phương.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

Xác định đối tượng đào tạo

Lựa chọn đối tượng đào tạo là một bước quan trọng. Thông qua nghiên cứu động cơ và nhu cầu, khả năng của người được đào tạo mà chính quyền địa phương có thể biết được quá trình đào tạo ó thể có tác dụng như thế nào đối với người lao động. Qua đó, có thể lựa chọn những lao động phù hợp với mục tiêu của địa phương và bản thân người lao động.

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu và xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người lao động, tác dụng của đào tạo đối với người lao động và khả năng nghề nghiệp cho từng người.

Việc xác định đối tượng tham gia đào tạo có vai trò quan trọng giúp

đem lại kết quả cao cho khóa học và quan trọng hơn là nó sẽ phát huy hiệu quả cao nhất cho công việc chung của tổ chức. Việc xác định đối tượng đào tạo và bồi dưỡng cần căn cứ vào một số cơ sở sau:

- Phải xuất phát từ yêu cầu công việc mà đối tượng đó đang hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Đối tượng tham gia đào tạo phải có đủ tình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết phù hợp với tính chất và nội dung của khóa học để đảm bảo kết quả.

- Phải xem xét nguyện vọng cá nhân của người học vì đây là động lực quan trọng để học viên thu được kết quả cao trong học tập.

- Phải dựa vào những điều kiện của bản thân địa phương và người lao động như nguồn kinh phí, bố trí sắp xếp thời gian học tập, chính sách sử dụng sau đào tạo. Tránh trường hợp đào tạo tràn lan hay cử đi đào tạo trong khi nhu cầu công việc không thực sự cần thiết hoặc không sử dụng một cách thỏa đáng.

Do đặc thù của sản xuất ở nông thôn là có thể sử dụng lao động từ rất trẻ cho đến sau độ tuổi lao động (theo quy định của pháp luật lao động). Vì vậy, có thể có những đối tượng chỉ có thể tham gia được các khoá đào tạo ngắn hạn, nhưng cũng có nhóm đối tượng (ví dụ từ 16- 24 tuổi) có thể và có điều kiện tham gia các khoá đào tạo dài hạn. Mặt khác, cần thiết phải phân các nhóm đối tượng trên trình độ học vấn. Đối với những người có trình độ học vấn thấp, họ có thể theo học các khoá dạy nghề ngắn hạn. Ngược lại, đối với những người có học vấn cao hơn (THCS, THPT..) có đủ điều kiện có thể theo các khoá học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở các vùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp. vì vậy cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp.

1.4.2.2. Xác định ngành nghề đào tạo

Quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và đô thị hóa đòi hỏi phải sử dụng nhiều diện tích đất nông nghiệp để xây dựng các hạ tầng công nghiệp và đô thị, làm cho diện tích đất canh tác bị thu hẹp. Điều này dẫn đến số lượng lao động bình quân trên một diện tích canh tác tăng lên. Hiện tượng đất chật, người đông đang có xu hướng chung của các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Hồng, những nơi gần đô thị, các địa phương có tốc độ đô thị hóa cao. Như vậy, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã làm một lượng lao động nông nghiệp không có hoặc thiếu việc làm, đã tạo ra câu về lao động phi nông nghiệp. Một lượng lao động nông nghiệp buộc phải chuyển sang các nghề khác tại nông thôn hoặc trở thành lao động công nghiệp.

Mặt khác, để đảm bảo an ninh lương thực, nuôi sống 99 triệu dân vào năm 2020 và giữ vững vị trí “cường quốc” về xuất khẩu lương thực và hàng nông nghiệp, Việt Nam phải áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Điều này đòi hỏi người nông dân phải trở thành những nông dân hiện đại. Trong khi đó hiện tại, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề còn thấp, là trở ngại cho quá trình hiện đại hóa này.

Những yếu tố và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nêu trên tạo ra sự chuyển dịch rất lớn đối với lao động nông thôn, từ dịch chuyển kỹ năng đến dịch chuyển nghề nghiệp, dịch chuyển nơi sinh sống, điều này đòi hỏi việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn tập trung vào các nhóm nghề sau:

- Đào tạo nghề nông nghiệp với mục đích đào tạo để trở thành những nông dân làm nông nghiệp hiện đại.
- Đào tạo nghề phi nông nghiệp phục vụ cho các đối tượng nông dân chuyển đổi nghề nghiệp
- Đào tạo phục vụ nông dân xuất khẩu lao động

- Đào tạo một số lao động tham gia các làng nghề truyền thống tại địa phương với mục đích giữ gìn và phát huy truyền thống, đồng thời phát triển kinh tế địa phương.

1.4.2.3. Lựa chọn cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề

Đối với địa phương, để công tác đào tạo nghề có hiệu quả thì mỗi địa phương phải lựa chọn các cơ sở dạy nghề đủ điều kiện tham gia dạy như: có đủ điều kiện về giáo viên, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề tốt.

Đối với người học nghề: việc lựa chọn cơ sở dạy nghề có điều kiện dạy nghề tốt là điều hết sức quan trọng, nó quyết định đến trình độ tay nghề hay khả năng tìm việc làm mới cho người học.

1.4.2.4. Xây dựng chương trình và lựa chọn hình thức đào tạo

Dù chương trình dạy học ở cấp độ vĩ mô hay vi mô thì đều có 5 yếu tố cơ bản của hoạt động dạy học: mục tiêu dạy học của chương trình, nội dung dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; quy trình kế hoạch triển khai; đánh giá kết quả.

Tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu đào tạo nghề, xác định *mục tiêu* cụ thể của từng chương trình dạy nghề.

Để xác định *nội dung đào tạo nghề* cho lao động nông thôn, các cấp chính quyền địa phương phải lập được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở đó sẽ xác định được nội dung đào tạo. Các cơ sở đào tạo có trách nhiệm đào tạo theo kế hoạch của địa phương, khi đó có thể đảm bảo được quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu sử dụng. Nguyên tắc cơ bản cho việc xác định nội dung đào tạo:

Tại mỗi vùng, cơ cấu ngành nghề và trình độ dân trí khác nhau nên cần xác định cụ thể nội dung dạy nghề cho lao động nông thôn tại từng vùng. Trong mỗi chương trình nên chia ra nhiều học phần khác nhau, lao động nông

thôn có thể lựa chọn theo học toàn chương trình hoặc học từng phần riêng biệt, khi học xong cần cấp chứng chỉ về nghề nghiệp cho lao động nông thôn.

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn. Ngoài ra, cần có sự tham gia của lao động nông thôn trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Thông qua việc tiếp xúc tìm hiểu nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, các nhà hoạch định nội dung chương trình sẽ biết được người lao động nông thôn cần gì, khả năng thu nhận và tư vấn cho họ trong việc lựa chọn, xác định nghề cần học.

Nội dung dạy cho lao động nông thôn phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế của vùng, của địa phương, với mục tiêu phân bố lại lao động nông thôn cũng như với khoa học công nghệ cao. Hai nội dung quan trọng của công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn phải được cụ thể hóa từng bước trong các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn.

Về Giáo trình, tài liệu học tập: Tài liệu viết cho các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn phải viết ngắn, từ ngữ đơn giản phù hợp với ngôn ngữ địa phương, dễ hiểu dễ nhớ kèm theo các tranh, ví dụ minh họa và các nội dung được trình bày theo trật tự của một quy trình công việc. Giáo trình cần trình bày đẹp, nhỏ, tiện lợi cho học viên sử dụng hàng ngày.

Về thời gian của khóa học:

Các chương trình/ khóa học nên thực hiện trọn vẹn một quy trình, chu kỳ sinh trưởng và phát triển...Nếu chương trình khóa học hay chuyên đề có nội dung lớn cần chia nhỏ thành các Module và được tổ chức học theo một trật tự logic với thời gian dài hơn, kết thúc mỗi module, người học đem những kết quả học được áp dụng vào thực tế công việc, từ đó sẽ thấy được những

điều thiếu cần phải được bổ sung để đề xuất, bổ sung cho nội dung học tập của giai đoạn học tiếp theo.

Về quy mô lớp học đào tạo nghề:

Để đảm bảo chất lượng dạy và học, và phát huy khả năng tham gia của người học trong quá trình trao đổi kinh nghiệm, kiến thức mỗi lớp học chỉ nên có từ 25-30 học viên.

Đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm việc của người nông dân, hoặc phải lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp. Mặt khác, do tính đa dạng của vật nuôi, cây trồng nông nghiệp, các khoá học nên được tổ chức gắn với thời kỳ sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng. Điều này đòi hỏi việc xây dựng chương trình đào tạo phải rất linh hoạt và khoa học.

Lựa chọn hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Mục tiêu của dạy nghề cho lao động nông thôn là tạo cho họ có một nghề để có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn). Nói cách khác, dạy nghề cho lao động nông thôn phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, đây là vấn đề cốt lõi đối với dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là đối với nhóm lao động cần phải chuyển sang làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp, công nghiệp. Nếu không gắn được với việc làm thì người nông dân sẽ không tham gia học nghề nữa và nguồn lực xã hội sẽ bị lãng phí. Do đó, trong quá trình đào tạo nghề rất cần thiết có sự kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất để họ một mặt tham gia vào quá trình đào tạo; mặt khác có thể tạo cơ hội cho người học được tham gia vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp từ khi còn học và sau khi học nghề xong

là có thể làm việc được ngay với nghề nghiệp của mình. Việc tổ chức các khoá học với các hình thức và phương thức khác nhau đối với lao động nông thôn rất quan trọng. Dạy nghề cho lao động nông thôn có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở dạy nghề; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các tập đoàn, Tổng công ty; dạy nghề lưu động (tại xã, thôn, bản); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; dạy nghề gắn với các vùng chuyên canh, làng nghề;...Phương thức đào tạo cũng cần phải đa dạng hoá, phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của từng vùng, miền..., như đào tạo tập trung tại cơ sở dạy nghề đối với những nông dân chuyên đổi nghề nghiệp (trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, cao đẳng nghề, các trường khác có tham gia dạy nghề...); đào tạo nghề lưu động cho nông dân làm nông dân hiện đại tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường theo kiểu FFS (Farmer Field Schools)...

1.4.2.5. Tổ chức đào tạo nghề

Tổ chức chương trình đào tạo là một trong những nội dung quan trọng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong giai đoạn này, bộ phận phụ trách đào tạo thực hiện các nhiệm vụ: tổ chức các lớp đào tạo bằng nhiều hình thức, phương thức đào tạo khác nhau. Trong quá trình tổ chức cần phải chú ý đến các thiết bị phục vụ đào tạo, kinh phí cho đào tạo, đội ngũ giảng viên, giáo viên, các hình thức theo dõi nội dung và tiến độ đào tạo, định kỳ gặp gỡ người dạy và người học để nắm bắt tình hình, các phát sinh, nắm bắt kết quả từng bước trong quá trình đào tạo để có thể phối hợp và điều chỉnh kịp thời,...đảm bảo điều kiện và phục vụ tốt nhất cho quá trình đào tạo.

1.4.2.6. Đánh giá kết quả đào tạo nghề

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động đào tạo nghề. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo nghề

được tiến hành dựa vào các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ lao động có việc làm đúng nghề học
- Tỷ lệ lao động tự tạo được việc làm sau đào tạo
- Số lượng lao động chuyển đổi nghề sao đòa tạo nghề
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được doanh nghiệp tuyển dụng
- Mức độ hài lòng của lao động đối với khóa học: Khi kết thúc khóa

học, thông qua phát phiếu thăm dò, cơ sở đào tạo lấy ý kiến của người lao động về nội dung chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, mức độ ứng dụng vào công việc họ sẽ làm.

- Mức độ phù hợp của ngành nghề đào tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khảo sát, điều tra người lao động sau khi tham gia khóa học có tìm được việc làm phù hợp không.

- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá hiệu quả đào tạo nghề. Mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

- Mức độ liên kết của các trường dạy nghề với các doanh nghiệp hay số lượng người lao động có việc làm sau đào tạo: các cơ sở đào tạo cần quan tâm đến nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và của người lao động. Doanh nghiệp cũng cần liên kết với các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo để người học sau khi tốt nghiệp đủ kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc. Như vậy sẽ tránh được tình trạng lãng phí thời gian, tiền bạc của người lao động, của các cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước.

1.5. Các yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.5.1. Chủ trương, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của quốc gia

Chủ trương, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Đảng và Nhà nước có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đào tạo nghề cho lao động nông

thôn của các tỉnh, địa phương. Đây sẽ là kim chỉ nam, là cơ sở, căn cứ để các địa phương ban hành chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương đó.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong những yếu tố quan trọng có tác động đến hiệu quả ĐTN cho LĐNT như chính sách thu hút đầu tư, chính sách thu hút giáo viên tham gia dạy nghề, chính sách hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho học viên sau học nghề, hỗ trợ đổi mới chương trình giảng dạy,...

Nếu chủ trương của quốc gia đặc biệt chú trọng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn, coi trọng công tác này thì sẽ có sự đặc biệt đầu tư về nguồn lực để triển khai thực hiện công tác này hiệu quả. Đồng thời, các địa phương cũng thấy được chiến lược của quốc gia ở thời điểm hiện tại, lãnh đạo địa phương cũng có những phương án chính sách thích hợp để thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó.

Ngược lại, nếu như đào tạo nghề cho lao động nông thôn của quốc gia chưa được coi trọng và không phải là nhiệm vụ trọng tâm thì sẽ có ít sự chỉ đạo, hướng dẫn tới các địa phương thực hiện hiệu quả hơn công tác này. Sự phát triển của từng địa phương gắn chặt với sự phát triển của quốc gia. Do đó, các địa phương cần nắm bắt chủ trương của quốc gia để triển khai thực hiện chính sách được thống nhất.

1.5.2. Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn

Các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn rất đa dạng, đó là: cơ sở dạy nghề công lập, tư thực, cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông lâm trường, vùng chuyên canh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở dạy nghề tiêu thủ công mỹ nghệ.

Cần đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn: thu

hút các cơ sở dạy nghề tư thực, các cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp), các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn.

Quy hoạch và thiết kế hệ thống mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo từng cấp học, từng hình thức đào tạo nghề tại từng địa phương là nội dung mang tính tiên đề. Xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn trên cơ sở xem xét, đánh giá lại các tổ chức đã tham gia vào công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trong thời gian qua trên tất cả các mặt, từ hệ thống trường lớp, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, các ngành nghề đang được dạy tại các cơ sở dạy nghề, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cho lao động nông thôn để biết được cái gì đã được, cái gì chưa được cần bổ sung và hoàn thiện.

Hiện nay, mạng lưới các cơ sở dạy nghề chủ yếu tập trung ở các khu vực đô thị, tuy nhiên lao động nông thôn vừa là người lao động vừa là các chủ hộ, họ quan tâm nhiều đến công việc gia đình, do đó nên bố trí các lớp học gần nơi ở của họ, để sau các buổi học họ có thể tham gia sinh hoạt với gia đình. Do vậy, chú trọng phát triển hình thức dạy nghề tại trung tâm học tập cộng đồng trên cơ sở lớp học trên đồng ruộng/ lớp học hiện trường.

1.5.3. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề bao gồm: phòng học lý thuyết, xưởng thực hành cơ bản và thực tập sản xuất, thư viện, học liệu, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, nhà ở cho học viên, khu làm việc cho cán bộ, giáo viên dạy nghề... Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thường là rất lớn, vì vậy cần có sự tham gia của các cấp quản lý vĩ mô với các hoạt động quan trọng như: Quy hoạch hệ thống đào tạo nghề trên phương diện cơ sở vật chất, cấp vốn cho các trường, các cơ sở đào tạo

nghề và giám sát quá trình thực hiện vốn.

Trong đào tạo nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đóng vai trò rất quan trọng. Vì thế, việc đầu tư đầy đủ, hợp lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề có ý nghĩa rất lớn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

1.5.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề

Để hoạt động dạy nghề cho người lao động có kết quả cao cần có tính thực hành của các bài học và có các phương pháp dạy học cho người lớn tuổi. Do vậy đòi hỏi giáo viên dạy nghề ngoài kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng tay nghề thành thạo, cần có phương pháp giảng dạy phù hợp với người lao động nông thôn.

Trước mắt cần thực hiện chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho người lao động từ các giáo viên tiềm năng như cán bộ khuyến nông xã, cán bộ thú y, bảo vệ thực vật xã, cán bộ khuyến nông huyện, khuyến nông cơ sở, cán bộ hội lao động nông thôn hoặc lao động nông thôn giỏi.

Về lâu dài cần xây dựng chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho người lao động, với các nội dung cần tập trung các chuyên đề kinh tế kỹ thuật nông nghiệp, mà các chuyên đề này là bài giảng ở lớp, làng, xã. Phương pháp sư phạm, phương pháp khuyến nông, tổ chức lớp học, phương pháp đánh giá nhu cầu đào tạo, phát triển tài liệu.

1.5.5. Một số yếu tố khác

Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Nguồn tài chính đầu tư công tác đào tạo nghề có vị trí hết sức quan trọng trong đào tạo nghề. Nó ảnh hưởng đến chất lượng giáo viên cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo nghề, có tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo nghề. Tài chính bao gồm các khoản chi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi phí công tác quản lý, tiền lương và các hoạt động khác của các cơ sở dạy

nghề. Có thể thấy được đào tạo nghề là hình thức đào tạo tốn kém nên rất cần sự đầu tư đúng mức của chính phủ và hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất. Chiến lược này thường được cụ thể hóa bằng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nếu quy hoạch kinh tế phát triển của địa phương có tính khả thi thì các dự án đầu tư cũng có điều kiện thực hiện thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời việc giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo cũng được thuận lợi. Ngoài ra, nội dung chiến lược hay quy hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương cũng ảnh hưởng đến nội dung công tác đào tạo nghề. Dẫn chứng đơn giản rằng, địa phương đang tập trung phát triển ngành nghề truyền thống hay tập trung phát triển dịch vụ thì đương nhiên nội dung đào tạo cũng phải đi theo hướng này.

Quá trình đô thị hóa – công nghiệp hóa của địa phương: do quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và quá trình đô thị hóa nên đất đai của người dân bị thu hẹp, nhiều người dân bị mất đất mà khả năng tạo việc làm từ quá trình này còn nhiều hạn chế, đồng thời do người lao động nông thôn có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp không đáp ứng được yêu cầu công việc nên sức ép việc làm lao động nông thôn ngày càng tăng do xu thế phát triển của xã hội, điều này tác động không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn-đào tạo nghề cho các đối tượng lao động này là điều tất yếu.

Trình độ của người lao động: với các nước phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật,... của lao động nông nghiệp, nông thôn thường rất thấp, do vậy khi tiến hành công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, xây dựng và phát triển các đô thị, phát triển các ngành phi nông nghiệp gắn với nền kinh tế thị trường, cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm của người lao động nông nghiệp ở các đô thị là rất khó khăn. Ngay cả trong sản xuất nông nghiệp ngày nay - thời

đại khoa học công nghệ - lao động nông nghiệp cũng đòi hỏi phải được đào tạo và đào tạo lại. Cùng với tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đặt ra những yêu cầu mới cho người lao động, đòi hỏi người lao động phải nâng cao trình độ, năng lực của mình. Nếu người lao động nông nghiệp nói riêng, người lao động trong các ngành nói chung không được đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu mới, thì tự họ sẽ mất đi cơ hội việc làm, cơ hội tìm kiếm việc làm sẽ rất khó khăn, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm là không thể tránh khỏi.

Xã hội hóa về đào tạo nghề: Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề tác động mạnh đến công tác đào tạo nghề, ảnh hưởng rõ rệt nhất của nó đến lượng học viên đầu vào cho các cơ sở dạy nghề. Do tâm lý ưa chuộng khoa bảng, bằng cấp của gia đình, người học nghề và xã hội nên công tác đào tạo nghề hiện nay chưa được xã hội nhận thức đầy đủ và đúng đắn. không ít các gia đình coi vào đại học là con đường duy nhất để kiếm được nghề ổn định và xây dựng được cuộc sống tốt. Phần lớn các học sinh không muốn thi vào các trường dạy nghề, bởi vì không muốn làm lao động nông thôn hoặc không muốn làm việc tại nông thôn mà có xu hướng đổ xô ra thành phố học và làm việc. Bên cạnh đó, những người lao động nông thôn cũng không muốn tham gia vào các lớp dạy nghề mở tại địa phương, vì họ bảo thủ cho rằng, với kinh nghiệm bao đời và kinh nghiệm vật nuôi, cây trồng họ vẫn có thể trực tiếp chăm bón và tham gia sản xuất và làm việc với năng suất cao mà không cần phải mất thời gian và tiền bạc học qua các lớp dạy nghề.

Nếu người lao động đánh giá đúng đắn hơn tầm quan trọng của việc học nghề thì lượng lao động tham gia học nghề sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn so với toàn bộ số lao động trên thị trường và sẽ có cơ cấu trẻ hơn, đa dạng hơn. Hơn nữa, nếu người lao động nhận thức được rằng giỏi nghề là một nhân tố quý giá của mình, là cơ sở vững chắc để có việc làm và thu nhập ổn định thì

công tác đào tạo nghề sẽ nhận được thêm nhiều nguồn lực hỗ trợ cần thiết từ xã hội.

Khả năng tiếp nhận lao động sau khi đào tạo nghề của các doanh nghiệp: Hiện nay các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề là rất lớn. Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo nghề là tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được đào tạo. Để đảm bảo những tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa, các doanh nghiệp tuyển dụng lao động vào làm việc cũng có phần “khắt khe” hơn trước. Vì vậy, trình độ của người lao động là mục tiêu hàng đầu của các nhà tuyển dụng, đây là cơ sở để các cơ sở đào tạo nghề theo sát các doanh nghiệp tìm hiểu nhu cầu và nắm bắt thông tin để có những bước đi trong chương trình dạy nghề sao cho có hiệu quả nhất.

1.6. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số tỉnh và bài học cho tỉnh Bạc Liêu

1.6.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số tỉnh

1.6.1.1. Kinh nghiệm từ tỉnh Cà Mau

Cà Mau có tiềm năng kinh tế ngư - nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ để thu hút mọi lực lượng lao động xã hội. Chính vì lẽ đó, đa dạng hoá loại hình đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nghề cho LĐNT, đào tạo nghề trình độ cao, công nhân kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, giai đoạn 2020-2025.

Thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách đã hiện thực hoá vấn đề đào tạo nghề cho LĐNT với các văn bản chỉ đạo, chính sách trọng điểm: Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Cà Mau đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án đưa lao động tỉnh Cà Mau đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018-

2020; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh Cà Mau, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, từ năm 2010 đến 2020, địa phương này đã thực hiện đào tạo trên 370 nghìn người với tổng kinh phí thực hiện trên 186 tỷ đồng. Cùng với đó, Cà Mau cũng xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm và giai đoạn 05 năm, ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, nhu cầu của xã hội; ban hành danh mục nghề đào tạo và mức chi hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng và tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên.

Để chuẩn bị tốt cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của giai đoạn tiếp theo, tỉnh Cà Mau đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, trên cơ sở kết quả điều tra và căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới,... để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn 5 năm và hằng năm, trong đó cần xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo, dự kiến nguồn lực và phương án đào tạo.

Đồng thời, rà soát, sắp xếp hợp lý quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, vừa đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động, vừa đảm bảo năng lực đào tạo, trong đó có đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Theo đó, chỉ đạo sử dụng, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đã được đầu tư, trang bị; cũng như rà soát, tổng hợp, đề xuất tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, đồng thời bố trí đầy đủ đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên cơ hữu để đảm bảo năng lực đào tạo trong thời gian tới.

Cùng với đó, Cà Mau cũng chú trọng thực hiện xã hội hóa, nhất là huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách; liên kết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phục vụ cho công tác đào nghề cho lao động nông thôn. Theo Sở LĐ-TB&XH Cà Mau, kết quả hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề trong giai đoạn 2010 - 2020 là 370.831 người; trong đó hỗ trợ đào tạo nghề theo quyết định 1956 là 110.779 người; số lao động sau học nghề có việc làm mới hoặc làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn đạt 80%.

1.6.1.2. Kinh nghiệm từ tỉnh Sóc Trăng

Sóc Trăng là một tỉnh ven biển, nằm trong vùng hạ lưu Nam sông Hậu thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh Sóc Trăng hiện có 19 cơ sở có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 15 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (2 trường cao đẳng, 13 trung tâm giáo dục nghề nghiệp); 1 phân hiệu trường trung cấp, 2 trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư nhân và 1 doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, với quy mô tuyển sinh trên 20.000 người/năm.

Các ngành, nghề đào tạo chủ yếu là điện công nghiệp; cơ khí; điện tử; công nghệ ô tô; công nghệ thông tin; chế biến thủy sản; chế biến lương thực, thực phẩm; chăn nuôi; trồng trọt; bảo vệ thực vật; kế toán; quản trị kinh doanh; điều dưỡng; hộ sinh; du lịch; nhạc, họa... Chương trình, giáo trình đào tạo các ngành, nghề này được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp biên soạn theo hướng đáp ứng nhu cầu, yêu cầu của người sử dụng lao động, của người lao động có nhu cầu học nghề.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đều có bộ phận, đơn vị hợp tác với doanh nghiệp. Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng hợp tác với doanh nghiệp thực hiện một số hoạt động như: gửi học sinh, sinh viên, người học nghề thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; mời cán bộ kỹ thuật, kỹ sư... của doanh nghiệp tham gia giảng

dạy, tham gia xây dựng chương trình đào tạo; mời doanh nghiệp tham gia tư vấn, tuyển dụng tại các buổi đối thoại, lễ trao bằng tốt nghiệp. Hình thức đào tạo nghề theo hướng đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, địa phương để các học viên sau khi đào tạo, có tay nghề là có việc làm luôn...

Các ngành, nghề liên kết, hợp tác đào tạo gắn với giải quyết việc làm giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp được đánh giá đạt hiệu quả rất thiết thực.. Cụ thể, người lao động được trang bị kiến thức, kỹ năng tay nghề, kỹ năng mềm, được các công ty, doanh nghiệp tuyển vào làm việc, có thu nhập ổn định, nâng cao được đời sống vật chất, tinh thần, kinh tế gia đình được nâng lên sau khi học nghề...

Theo đánh giá của các doanh nghiệp liên kết, các ngành, nghề đào tạo đạt hiệu quả cao trong thời gian gần đây là công nghệ ô tô, điện công nghiệp, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, chế biến thực phẩm... với trên 95% học sinh, sinh viên, học viên có việc làm sau tốt nghiệp, mức thu nhập bình quân từ 5-8 triệu đồng/tháng.

Ngoài ra, công tác giáo dục nghề nghiệp cho người lao động, nhất là lao động nông thôn được gắn với việc tạo sinh kế sau đào tạo như: đào tạo gắn với mở cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; đào tạo gắn với việc làm hiện có của hộ gia đình; đào tạo gắn với việc làm tại công ty, doanh nghiệp; đào tạo gắn với hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm sản xuất, dịch vụ; đào tạo gắn với đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo phục vụ khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương...

Qua đó, giúp người lao động có nghề nghiệp, có việc làm, thu nhập ổn định, vươn lên thoát nghèo, có thu nhập khá, đời sống được cải thiện, góp phần thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Sóc Trăng hiện còn dưới 2,5%.

1.6.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bạc Liêu

Trên cơ sở tìm hiểu đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Cà Mau và tỉnh Sóc Trăng, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bạc Liêu như sau:

- Thứ nhất, làm tốt công tác tuyên truyền để đảm bảo tất cả người dân hiểu được tầm quan trọng của chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Thứ hai, đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần dựa trên nguồn tài nguyên có sẵn của địa phương, nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Thứ ba, đa dạng hóa việc xây dựng các mô hình đào tạo, phương thức đào tạo: có thể đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo tại các cơ sở đào tạo thông qua phương pháp “cầm tay chỉ việc”.

- Thứ tư, đối với dạy nghề nông nghiệp cần có sự kết hợp giữa bốn nhà: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp trong đào tạo nghề để hình thành chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp, từ đó tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Đào tạo nghề nông nghiệp hướng tới một nền nông nghiệp “sạch” trong tương lai.

- Thứ năm, tăng cường triển khai mô hình đào tạo liên kết giữa trung tâm đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để người lao động tìm được việc làm sau đào tạo.

CHƯƠNG 2:

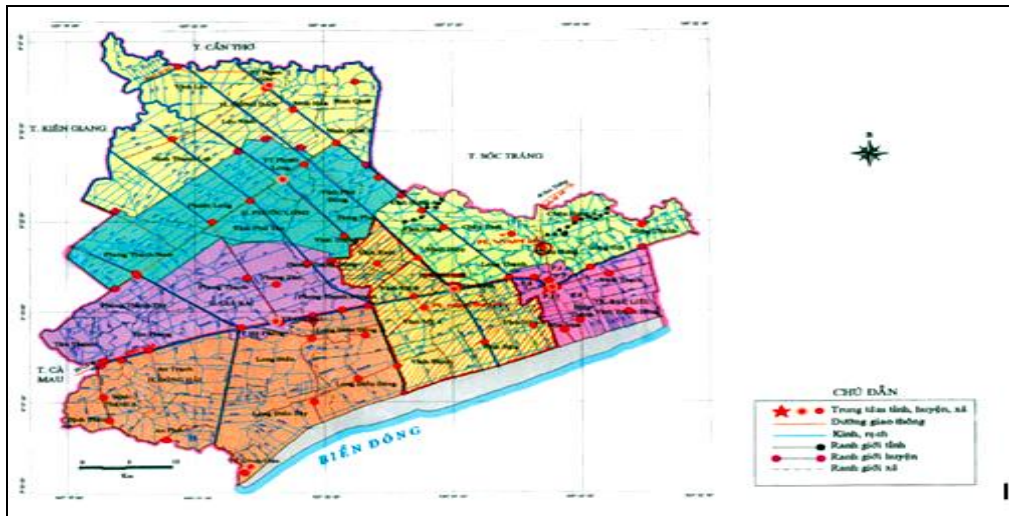
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU

2.1. Đặc điểm tình hình chung

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Bạc Liêu là tỉnh thuộc bán đảo Cà Mau, với diện tích tự nhiên là 2.582 km², nằm ven biển đông, miền đất vùng cực Nam Tổ quốc. Phía Bắc giáp các tỉnh: Hậu Giang và Kiên Giang; phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sóc Trăng; phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Cà Mau; phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông. Bạc Liêu là vùng đất trẻ được thiên nhiên ưu đãi nên ít bị thiên tai, lũ lụt, hội tụ khá nhiều lợi thế phát triển. Hệ thống giao thông thủy bộ được nối liền giữa các trung tâm kinh tế vùng và cả nước; Quốc lộ 1A dài 61 km. Bạc Liêu có 52 km đường quốc lộ quản lộ Phụng Hiệp nối quốc lộ 63 qua các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang, Cà Mau và 12,5 km đường nam Sông Hậu. Với bờ biển dài 56 km có vị thế chiến lược cho phát triển cảng biển, thế mạnh của Bạc Liêu hiện nay là nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại.

Bạc Liêu có địa hình tương đối bằng phẳng, chủ yếu nằm ở độ cao trên dưới 1,2m so với mực nước biển, còn lại là những giồng cát và một số khu vực trũng ngập nước quanh năm. Địa hình có xu hướng dốc từ bờ biển vào nội đồng, từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Trên địa bàn tỉnh có nhiều kênh rạch lớn như kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp, kênh Cạnh Đèn, kênh Phó Sinh, kênh Giá Rai.



Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Bạc Liêu

Nguồn: UBND tỉnh Bạc Liêu, 2022

Bạc Liêu nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm 2000 – 2300 mm. Nhiệt độ trung bình 26°C, cao nhất 31,5°C, thấp nhất 22,5°C. Số giờ nắng trong năm 2500- 2600 giờ. Độ ẩm trung bình mùa khô 80%, mùa mưa 85%. Vùng này ít chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới; không chịu ảnh hưởng trực tiếp của lũ lụt hệ thống sông Cửu Long, nhưng lại chịu tác động mạnh của thủy triều Biển Đông và một phần chế độ nhật triều Biển Tây.

Trong quy hoạch và định hướng phát triển của Bạc Liêu là khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp, hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu và một số vùng nuôi tôm siêu thâm canh, phân đầu đưa tỉnh Bạc Liêu trở thành trung tâm nuôi tôm của cả nước; tập trung thu hút đầu tư, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (*điện gió, điện mặt trời, điện khí tự nhiên hóa lỏng*); hình thành các khu, điểm du lịch tiêu biểu, kết nối các tour du lịch với các tỉnh, thành phố và xây dựng trở thành trung tâm du lịch của

khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; tăng cường kêu gọi đầu tư, phát triển giáo dục - đào tạo và y tế chất lượng cao.

Trong tiến trình phát triển, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế vừa là động lực, vừa là thách thức lớn của tỉnh, trong đó có tác động trực tiếp đến người lao động, đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng, tay nghề cao để cạnh tranh với lao động trong nước và ngoài nước. Đây cũng là thách thức rất lớn đối với công tác đào tạo nói chung, trong đó có công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Bạc Liêu trong thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn tiếp theo.

Công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thời gian qua được sự hỗ trợ rất quan trọng của Trung ương; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự tham gia, vào cuộc của các cấp, các ngành trong tỉnh đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò của công tác đào tạo nghề cho LĐNT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 7,45% so với cùng kỳ. Hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi, tăng trưởng trở lại. Trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,76%; công nghiệp - xây dựng tăng 16,45% và dịch vụ tăng 6,5% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 6 tháng ước đạt 5.410,06 tỷ đồng, nâng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ 06 tháng đầu năm ước đạt 30.959,36 tỷ đồng, bằng 47,89% kế

hoạch, tăng 10,42% so với cùng kỳ.

2.1.2.2 Kết quả thực hiện một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

Sản xuất nông nghiệp: Tuy còn gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định nhưng nhờ quan tâm tập trung đầu tư, chủ động kịp thời thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh, khô hạn, xâm nhập mặn, cùng với việc đẩy mạnh công tác khuyến nông, cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi; triển khai, nhân rộng nhiều mô hình sản xuất hiệu quả;... Diện tích gieo trồng lúa 6 tháng đầu năm 2022 là 148.861 ha, thu hoạch 89.771 ha, với tổng sản lượng lúa thu hoạch đạt 616.957 tấn, bằng 50,36% kế hoạch, tương đương cùng kỳ. Bên cạnh đó 6 tháng đầu năm 2022 đã xuống giống 8.770 ha rau màu, tổng sản lượng thu hoạch là 80.095 tấn, đạt 43,65% kế hoạch, tăng 4,31% so cùng kỳ.

Nuôi trồng thủy sản phát triển khá, diện tích nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 134.672 ha, với tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 đạt 123.075 tấn, đạt 36,67% kế hoạch, tăng 9,03% cùng kỳ (trong đó sản lượng tôm tăng khá cao, đạt 64.746 tấn, bằng 29,03% kế hoạch, tăng 11,25% so với cùng kỳ).

Khai thác, đánh bắt thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 đạt 54.931 tấn, (trong đó sản lượng tôm đạt 4.859 tấn, cá và thủy sản khác 50.072 tấn), bằng 43,87% kế hoạch, giảm 2,18% so với cùng kỳ.

Lĩnh vực diêm nghiệp tiếp tục được quan tâm, diện tích sản xuất muối vụ mùa 2021 – 2022 là 1.418,6 ha (trong đó: Muối trái bạt 103,7 ha), bằng 99,2% kế hoạch, giảm 3,37% so cùng kỳ; sản lượng muối thu hoạch 21.662 tấn, bằng 54,16 % kế hoạch, giảm 42,32% so cùng kỳ.

Công thương nghiệp: Tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp đã duy trì tốc độ phát triển, 6 tháng đầu năm 2022 thực hiện 30.959,36 tỷ đồng, bằng 47,89% kế hoạch, tăng 10,42% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu 378,43 triệu USD, bằng 41,13% kế hoạch, tăng 9,07% so với cùng kỳ (*trong đó: Tóm đông ước đạt 369,48 triệu USD, bằng 41,34% kế hoạch, tăng 9,03% so với cùng kỳ*).

Tài chính, Ngân hàng: Thu ngân sách nhà nước đạt khá so với dự toán và so với cùng kỳ; công tác giao dự toán, quản lý và khai thác các nguồn thu được quan tâm chỉ đạo kịp thời. Tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm 2022 là 2.362 tỷ đồng, đạt 72,39% dự toán, bằng 100,03% so với cùng kỳ. Công tác quản lý chi ngân sách khá chặt chẽ, bám sát dự toán được giao từ đầu năm và cơ bản đáp ứng kịp thời yêu cầu chi thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi NSNN 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 3.129 tỷ đồng, đạt 41,64% dự toán, tăng 14,02% so cùng kỳ.

Giao thông vận tải: Dịch vụ giao thông vận tải được tổ chức thực hiện khá tốt, nhất là việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp công trình giao thông, phát triển phương tiện vận tải, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Khối lượng vận chuyển hàng hoá 6 tháng đầu năm 2022, tăng 12% so với cùng kỳ. Các công trình giao thông nông thôn tiếp tục được các huyện, thị, thành phố rất được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; Ngay từ đầu năm đến tháng 6 năm 2022 đã thực hiện được 206 công trình với tổng chiều dài 142,585 km.

2.2. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong thời gian qua

2.2.1 Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho LĐNT

Qua thông tin của Sở LĐTBXH Bạc Liêu, tính đến thời điểm năm 2020, tỉnh Bạc Liêu có 17 cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề (Bảng 2.1), trong đó: có 14 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập.

Bảng 2.1: Danh sách các cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề

TT	Tên cơ sở
I	CSDN công lập
1	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu
2	Trung tâm Giới thiệu việc làm Bạc Liêu
3	TTGDNN-GDTX huyện Hồng Dân
4	TTGDNN-GDTX huyện Đông Hải
5	TTGDNN-GDTX huyện Hoà Bình
6	TTGDNN-GDTX huyện Phước Long
7	TTGDNN-GDTX huyện Giá Rai
8	TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi
9	TTDN và Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu
10	Trung tâm Phát triển Công nghệ Xanh Bạc Liêu
11	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bạc Liêu
12	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu
13	Liên minh Hợp tác xã
14	Trung tâm Khuyến công
II	CSDN ngoài công lập
1	Trường Trung cấp nghề tư thục STC
2	Trung tâm dạy nghề tư thục Bạc Liêu
3	Cơ sở dạy nghề SÀI GÒN- H PHONE

Xét riêng về đào tạo nghề cho LĐNT, từ năm 2016 - 2020, trên địa bàn tỉnh chỉ có 13 cơ sở đã và đang tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Bảng 2.2). Bên cạnh đó, một số cơ sở dạy nghề có đủ điều kiện nhưng không tham gia vào hệ thống các cơ sở dạy nghề cho LĐNT nên phần nào làm lãng phí nguồn nhân lực, tài lực của cơ sở. Mặt khác, chưa có các cơ sở giáo dục (Trường Đại học Bạc Liêu, Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Bạc Liêu...) tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

Ngoài ra, các cơ sở tham gia đều là các cơ sở công lập, số lượng các cơ sở dân lập tham gia đào tạo nghề cho LĐNT còn hạn chế. Trong năm 2020, chỉ còn 10 cơ sở dạy nghề cho LĐNT (có 03 cơ sở không còn tham gia dạy nghề cho LĐNT: Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Khuyến công và Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu). Các cơ sở này được giao chỉ tiêu đào tạo nghề hàng năm của địa phương và đây chính là nguyên nhân hạn chế ảnh hưởng chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT vì không có sự cạnh tranh trong việc tuyển sinh giữa các cơ sở dạy nghề.

Bảng 2.2: Kết quả dạy nghề cho LĐNT từ năm 2016 – 2022

Đơn vị: người

TT	Tên cơ sở	Tổng	Trong đó	
			Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
1	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu	1.640	1.380	260
2	Trường Trung cấp nghề Bạc Liêu	3.010	2.460	550
3	Trung tâm Giới thiệu việc làm Bạc Liêu	3.600	2.850	750
4	TTGDNN-GDTX huyện Hồng Dân	24.379	22.819	1.560
5	TTGDNN-GDTX huyện Đông Hải	16.620	15.725	895
6	TTGDNN-GDTX huyện Hoà Bình	8.171	6.890	1.281
7	TTGDNN-GDTX huyện Phước Long	7.316	5.899	1.417
8	TTGDNN-GDTX TX. Giá Rai	26.120	24.715	1.405
9	TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi	3.940	2.811	1.129
10	TTDN và Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu	3.029	2.651	378
11	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bạc Liêu	4.083	3.603	480
12	Liên minh Hợp tác xã	4.411	3.890	521
13	Trung tâm Khuyến công	3.266	2.858	408
Tổng		109.585	98.551	11.034

Nguồn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu, 2022

2.2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của các cơ sở đào tạo nghề cho LĐNT

Theo nguồn từ Sở LĐTBXH Bạc Liêu, trong 6 trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện, Trung tâm TTGDNN-GDTX TX. Giá Rai và Phước Long đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm năm 2022, riêng TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi và Hòa Bình chưa được xây dựng. Hiện nay, TTGDNN-GDTX huyện Hòa Bình và Vĩnh Lợi đang ở tại các nhà tạm nên không đủ các phòng dạy học và các xưởng thực hành...

Mặt khác, nhiều CSDN do không có nơi chứa thiết bị dạy nghề nên phần lớn các trang thiết bị dạy nghề được đầu tư, các trung tâm để chồng chéo lên nhau, để bên ngoài hành lang... gây khó khăn trong việc vệ sinh máy móc và bảo quản nên các trang thiết bị mau xuống cấp (TTGDNN-GDTX huyện Phước Long, TX. Giá Rai...).

Ngoài ra, khi xây dựng trung tâm do thiếu kinh phí nên một số thiết bị chưa được trang bị đầy đủ cho công tác giảng dạy ở các TTGDNN-GDTX ở một số huyện, thị (TX. Giá Rai, Đông Hải,... gây khó khăn cho công tác chiêu sinh đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Một số trang thiết bị dạy nghề không được các trung tâm sử dụng do nhu cầu học viên không có (TTGDNN-GDTX huyện Hòa Bình: nghề sửa chữa Ô tô...) nên gây nhiều lãng phí vì lâu ngày không sử dụng các trang thiết bị đã hỏng do thiếu sự bảo dưỡng đúng cách.

Qua kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề (Bảng 2.3), có 85 học viên (chiếm tỷ lệ 33%), 36 giáo viên (chiếm tỷ lệ 51%) và 16 cán bộ quản lý dạy nghề (chiếm tỷ lệ 40%) cho rằng cơ sở vật chất chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu của người học nghề. Ngoài ra, về trang thiết bị dạy nghề có 99 học viên (chiếm tỷ lệ 38%), 20 giáo viên (chiếm tỷ lệ 29%) và 10 cán bộ quản lý dạy nghề (chiếm tỷ lệ 25%) cho rằng chưa được trang bị đầy

đủ phục vụ cho quá trình đào tạo.

Bảng 2.3: Kết quả khảo sát đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề

Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề		Học viên		Giáo viên		Cán bộ quản lý	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Cơ sở vật chất (phòng học, bàn, ghế...)	Đầy đủ	39	15	10	14	16	40
	Tương đối đầy đủ	136	52	24	34	8	20
	Chưa đầy đủ	85	33	36	51	16	40
Trang thiết bị dạy nghề	Đầy đủ	74	28	19	27	16	40
	Tương đối đầy đủ	87	33	31	44	14	35
	Chưa đầy đủ	99	38	20	29	10	25

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

2.2.3. *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý tham gia dạy nghề*

Theo kết quả khảo sát trình độ học vấn của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT (Bảng 2.4), lực lượng LĐNT do hạn chế về trình độ học vấn (có 92 học viên, chiếm tỷ lệ 35% có trình độ học vấn chưa tốt nghiệp tiểu học hoặc tốt nghiệp tiểu học) nên kỹ năng và việc tiếp cận thông tin thấp nên khó khăn trong việc tìm việc làm phù hợp. Số lao động chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lao động theo thời vụ. Thiếu kiến thức nghề, thiếu thông tin về thị trường việc làm là những nguyên nhân cơ bản khiến lực lượng lao động nông thôn không có việc làm gia tăng, thanh niên dễ chơi bời, lêu lổng, sa ngã vào các tệ nạn xã hội và dẫn đến tình trạng đói nghèo. Mặt khác, nhiều lao động nông thôn còn quan tâm đến thu nhập trước mắt từ lao động thủ công, chưa chú trọng học nghề để ổn định sản xuất lâu dài nên không mặn mà tham gia học nghề.

Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho LĐNT vẫn còn nhiều khó khăn cần tháo gỡ nhằm đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhìn chung, đào tạo nghề chưa gắn với tạo việc làm cho người lao động, tình trạng số người trong độ tuổi lao động không có việc làm thường xuyên vẫn đang ở mức cao, LĐNT chỉ làm việc theo thời vụ, chưa có việc làm thường xuyên nên thu nhập không ổn định. Nhận thức của người lao động trong việc đào tạo nghề, tự tạo việc làm còn hạn chế, chưa biết áp dụng kiến thức đã học vào tổ chức sản xuất. Cho nên, giáo viên giảng dạy các lớp đào tạo nghề cho LĐNT có vai trò rất đặc biệt, giáo viên phải am hiểu ngành nghề, có phương pháp truyền đạt kiến thức theo đối tượng, am hiểu tâm lý... để thu hút LĐNT tham gia tích cực các lớp đào tạo nghề.

Bảng 2.4: Kết quả khảo sát trình độ học vấn của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT

Trình độ học vấn của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề LĐNT	Học viên	
	SL	TL%
Chưa tốt nghiệp tiểu học	92	35
Tốt nghiệp tiểu học	55	21
Tốt nghiệp trung học cơ sở	81	31
Tốt nghiệp trung học phổ thông	15	6
Trung cấp	10	4
Cao đẳng	7	3
Đại học và trên đại học	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Năm 2022, theo thống kê của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Bạc Liêu về số lượng giáo viên dạy nghề cho LĐNT (Bảng 2.5), tỉnh Bạc Liêu có 13 cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT với tổng số giáo viên, người tham gia dạy nghề (giáo viên nói chung) cho LĐNT của các cơ sở tham gia

dạy nghề cho LĐNT là 110 người (Trong đó: 24 giáo viên, 86 người tham gia dạy nghề). Đáng quan tâm là TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi, Hồng Dân có 04 giáo viên cơ hữu tham gia, trong khi đó TTGDNN-GDTX huyện Phước Long, Hòa Bình, Đông Hải, Giá Rai không có giáo viên cơ hữu tham gia đào tạo nghề. Điều này cho thấy đội ngũ giáo viên cơ hữu cho các ngành nghề đào tạo của các trung tâm dạy nghề huyện thiếu nghiêm trọng.

Bảng 2.5: Số lượng giáo viên dạy nghề cho LĐNT

Đơn vị: người

TT	Tên cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT	Số giáo viên tham gia dạy nghề cho LĐNT		Số người tham gia dạy nghề cho LĐNT
		Giáo viên cơ hữu	Giáo viên thỉnh giảng	
1	Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu	2	3	7
2	TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi	2	2	6
3	TTGDNN-GDTX huyện Phước Long		3	12
4	TTGDNN-GDTX huyện Hòa Bình		3	9
5	TTGDNN-GDTX huyện Hồng Dân	2	3	8
6	TTGDNN-GDTX huyện Đông Hải			6
7	TTGDNN-GDTX huyện Giá Rai			10
8	TTDN và Hỗ trợ Nông dân tỉnh Bạc Liêu			4
9	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh Bạc Liêu	2		20
10	Trung tâm Giới thiệu việc làm Bạc Liêu	2		4
Tổng		10	14	86

Nguồn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu, 2022

Phần lớn giáo viên giảng dạy là thợ lành nghề đã qua các lớp Bồi dưỡng Sư phạm dạy nghề hoặc Kỹ năng dạy học. Theo thực trạng khảo sát việc đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh của giáo viên dạy nghề từ năm 2016 - 2020 (khoảng thời gian thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định 1956/QĐ-TTg) (Bảng 2.6), có 16 giáo viên (chiếm tỷ lệ 22,9%) được CSDN đưa đi thực tế, tham quan 01 – 03 lần các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh, tuy nhiên có đến 48 giáo viên (chiếm tỷ lệ 68,6%) cho rằng không được đi lần nào. Đây là vấn đề ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT vì những người tham gia giảng dạy chưa được đầu tư nhiều về các kỹ năng giảng dạy và cũng chưa có nhiều kinh nghiệm phong phú trong việc tạo ra các phương pháp giảng dạy tích cực cho LĐNT nên trong quá trình giảng dạy có phương pháp, nội dung lỗi thời không còn phù hợp với thực tế hiện nay, chưa thật sự gần gũi với LĐNT.

Bảng 2.6: Thực trạng việc đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh từ năm 2016 - 2022

	Giáo viên		Ghi chú
	SL	TL%	
01 – 03 lần	16	22,9	
04 – 05 lần	6	8,6	
Nhiều hơn 05 lần	0	0	
Không có	48	68,6	

Nguồn : Kết quả khảo sát của tác giả

Theo kết quả khảo sát nhận xét về giáo viên giảng dạy của học viên (Bảng 2.7), có 130 học viên (chiếm tỷ lệ 50%) nhận xét phương pháp giảng dạy của giáo viên không còn phù hợp mặc dù giáo viên có thái độ giảng dạy tích cực. Đây là do hạn chế từ chất lượng đầu vào của LĐNT, ngoài ra, giáo

viên đa số là thợ lành nghề, cán bộ các ngành tham gia đào tạo nghề chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy. Vì thế, cần có những biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên nhằm phát triển chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

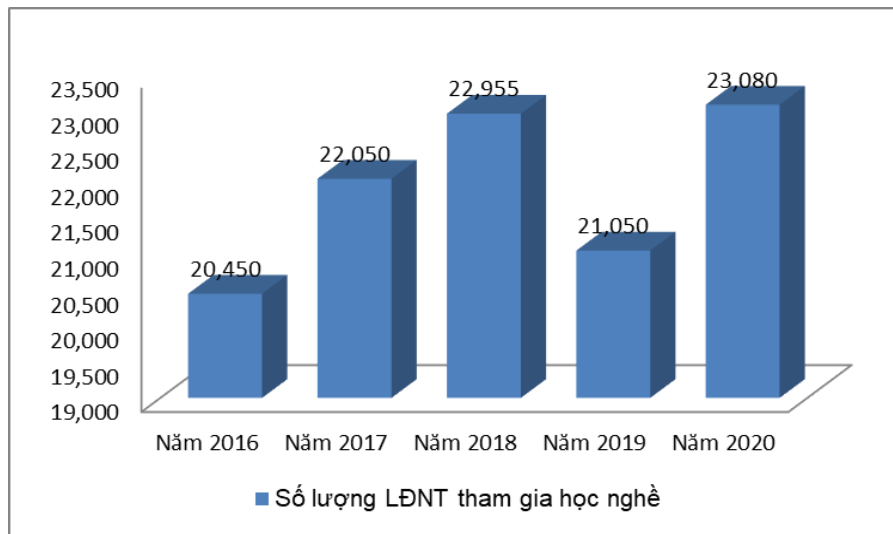
Bảng 2.7: Kết quả khảo sát về giáo viên đào tạo nghề cho LĐNT

Nhận xét về giáo viên giảng dạy		Học viên	
		SL	TL%
Thái độ giảng dạy	Tích cực	110	42,3
	Tương đối tích cực	130	50,0
	Không tích cực	20	7,7
Kiến thức giảng dạy lý thuyết	Cao	100	38,5
	Trung bình	135	51,9
	Thấp	25	9,6
Kỹ năng tay nghề - thực hành	Cao	162	62,3
	Trung bình	73	28,1
	Thấp	25	9,6
Phương pháp giảng dạy	Phù hợp	35	13,5
	Tương đối phù hợp	95	36,5
	Chưa phù hợp	130	50,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

2.2.4. Ngành nghề đào tạo cho LĐNT

Năm 2016 là năm tiếp tục thực hiện đề án đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định 1956/QĐ-TTg trong giai đoạn 2016 – 2020 nên số lượng học viên tham gia không ngừng tăng lên (20.450 người), sau đó năm 2017 (22.050 người) và năm 2018 (22.955 người) có hướng tăng cao. Nhưng đến năm 2019 số lượng LĐNT tham gia học nghề lại có chiều hướng giảm xuống (21.050 người).



Hình 2.2: Biểu đồ kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Nguồn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu, 2020

Qua các năm, thực hiện theo quy định của Quyết định 1956/QĐ-TTg, UBND tỉnh đều ban hành danh mục nghề đào tạo cho LĐNT. Năm 2012, Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2012 phê duyệt Danh mục nghề đào tạo cho LĐNT năm 2012 gồm 03 nhóm nghề (*Nhóm nghề nông nghiệp, Nhóm nghề phi nông nghiệp, Nhóm nghề dịch vụ*) với 69 nghề đào tạo. Năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho người khuyết tật tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020 với 19 nghề đào tạo, Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo nghề dưới 3 tháng cho LĐNT lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 với 34 nghề đào tạo và Quyết định 103/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng cho LĐNT lĩnh vực phi nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 với 31 nghề đào tạo.

Nhìn chung, nghề (nông nghiệp và phi nông nghiệp) đào tạo cho LĐNT rất đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, qua thực tế thống kê của Sở LĐTBXH

Bạc Liêu về ngành học của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT (Bảng 2.8), từ năm 2016 – 2020, trong tổng số 109.585 học viên tham gia học nghề có đến 87.868 học viên (chiếm tỷ lệ 80,2%) học nghề nông nghiệp (chủ yếu là nghề: chăn nuôi gà, nuôi cá, trồng lúa), 21.717 LĐNT (chiếm tỷ lệ 19,8%) học nghề phi nông nghiệp (chủ yếu là nghề: đan lát, may dân dụng, mộc, rèn...). Từ những số liệu trên, cho thấy đa số LĐNT tham gia học nghề trong lĩnh vực nông nghiệp, việc học nghề trong lĩnh vực phi nông nghiệp (ngành nghề tiểu - thủ công nghiệp, cơ khí...) chưa phát triển dẫn đến tình trạng mất cân bằng về ngành nghề gây nên những ảnh hưởng nhất định trong việc tạo việc làm, bao tiêu sản phẩm... cho LĐNT sau khi học nghề.

**Bảng 2.8: Ngành học của học viên
tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT**

Ngành học của học viên tham gia các lớp đào tạo nghề LĐNT	Học viên	
	SL	TL%
Nông nghiệp	87.868	80,2
Phi nông nghiệp	21.717	19,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, địa phương chưa tổ chức đánh giá, tìm ra các nghề đặc thù để mạnh dạn lập kế hoạch tập trung các nguồn lực tổ chức các mô hình dạy nghề thí điểm cho LĐNT tạo thế mạnh cho địa phương.

Qua khảo sát tình hình học viên làm nghề đã học (Bảng 2.9), có 98 học viên (chiếm tỷ lệ 37,7%) đang làm với nghề đã học; tuy nhiên, có đến 140 học viên (chiếm tỷ lệ 53,8%) đã từng làm với nghề đã học và có 22 học viên (chiếm tỷ lệ 8,5%) không làm với nghề đã học. Từ số liệu trên, số lượng học viên hiện không làm với nghề đã học chiếm tỷ lệ rất cao 62,3% (162 học viên). Đây cũng có thể là do hoàn cảnh gia đình, do chính bản thân học viên hoặc có thể do ngành nghề không còn đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

Bảng 2.9: Kết quả khảo sát tình hình học viên làm nghề đã học

Tình hình học viên làm với nghề đã học	Học viên	
	SL	TL%
Đang làm	98	37,7
Đã từng làm	140	53,8
Chưa từng làm	22	8,5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Qua tìm hiểu lý do 162 học viên hiện nay không làm với nghề đã học (Bảng 2.10), cho thấy rằng học viên không làm với nghề đã học là do làm với nghề không tạo được thu nhập ổn định cuộc sống có 122 học viên (chiếm tỷ lệ 75,3%), có 17 học viên (chiếm tỷ lệ 10,5%) là do không hứng thú với nghề, có 23 học viên (chiếm tỷ lệ 14,2%) cho rằng nghề không phù hợp (sức khỏe, thời gian...). Từ những số liệu trên, cho thấy thu nhập ổn định với nghề đã học là mong muốn của LDNT khi tham gia học nghề, khi thu nhập không đáp ứng được thì LDNT sẽ không làm với nghề đã học để chuyển sang nghề khác tốt hơn. Những trường hợp như thế sẽ làm lãng phí rất nhiều thời gian, công sức của người học, kinh phí của Nhà nước. Điều này đã phản ánh rõ việc chọn nghề đào tạo cho LDNT chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội. Vì vậy, cần nghiên cứu tìm ra các nghề đáp ứng được nhu cầu của thực tế xã hội nhằm tạo thu nhập ổn định cho LDNT là nhiệm vụ trọng tâm của công tác đào tạo nghề cho LDNT.

Bảng 2.10: Kết quả khảo sát lý do học viên nghỉ làm với nghề đã học

Lý do học viên hiện nay không làm với nghề đã học	Học viên	
	SL	TL%
Thu nhập thấp	122	75,3
Không hứng thú với nghề	17	10,5
Không phù hợp (sức khỏe, thời gian...)	23	14,2

2.2.5 Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn

Trong quá trình đào tạo, các cơ sở dạy nghề dựa vào các chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ sở biên soạn, chỉnh sửa lại cho phù hợp với trình độ giảng dạy, thời gian đào tạo, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội mỗi huyện, thành phố và cơ sở dạy nghề (*Phụ lục 4: Một số chương trình dạy nghề cho LĐNT*).

Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát về chương trình giảng dạy (Bảng 2.11) có 105 học viên (chiếm tỷ lệ 43%) và 22 giáo viên (chiếm tỷ lệ 34%) cho rằng nội dung chương trình chưa phù hợp. Đồng thời, có 151 học viên (chiếm tỷ lệ 62%) và 28 giáo viên (chiếm tỷ lệ 44%) cho rằng thời lượng chương trình chưa phù hợp.

Mặt khác, đa phần học viên và giáo viên nhận xét chương trình có số giờ dạy và lý thuyết phù hợp và tương đối phù hợp. Tuy nhiên, vẫn có 90 học viên (chiếm tỷ lệ 34,6%) và 19 giáo viên (chiếm tỷ lệ 27,1%) cho rằng số giờ dạy lý thuyết chưa phù hợp; 98 học viên (chiếm tỷ lệ 37,7%) và 16 giáo viên (chiếm tỷ lệ 22,9%) cho rằng số giờ dạy thực hành chưa phù hợp với tình hình thực tế của người học và của địa phương.

Bảng 2.11: Kết quả khảo sát chương trình dạy nghề cho LĐNT

Đánh giá về chương trình giảng dạy		Học viên		Giáo viên	
		SL	TL%	SL	TL%
Nội dung	Rất phù hợp	55	21,2	12	17,1
	Tương đối phù hợp	95	36,5	38	54,3
	Chưa phù hợp	110	42,3	20	28,6
Thời lượng chương trình	Rất phù hợp	25	9,6	16	22,9
	Tương đối phù hợp	79	30,4	25	35,7
	Chưa phù hợp	156	60	29	41,4
Số giờ dạy Lý thuyết	Rất phù hợp	40	15,4	6	8,6
	Tương đối phù hợp	130	50	45	64,3
	Chưa phù hợp	90	34,6	19	27,1
Số giờ dạy Thực hành	Rất phù hợp	62	23,8	12	17,1
	Tương đối phù hợp	100	38,5	42	60
	Chưa phù hợp	98	37,7	16	22,9

Ngoài ra, theo thực trạng thống kê kết quả khảo sát tỷ lệ kiến thức học viên áp dụng vào công việc sau khi học nghề của 260 học viên đang làm việc và đã từng làm việc với nghề đã học (**Bảng 2.12**) có đến 115 học viên (chiếm tỷ lệ 44,2%) áp dụng kiến thức từ 25 – 50%; có 100 học viên (chiếm tỷ lệ 38,5%) áp dụng kiến thức từ 51 – 75%; áp dụng kiến thức trên 75% chỉ có 35 học viên (chiếm tỷ lệ 13,5%). Những số liệu trên cho thấy tỷ lệ kiến thức được áp dụng vào công việc sau khi học nghề thật không khả quan, đã thể hiện rõ chương trình đào tạo nghề chưa thật sự đáp ứng, chưa phù hợp với thực tế sản xuất ngày nay.

Bảng 2.12: Kết quả khảo sát tỷ lệ kiến thức học viên áp dụng vào công việc sau khi học nghề

Tỷ lệ kiến thức học viên áp dụng vào công việc sau khi học nghề	Học viên	
	SL	TL%
Dưới 25%	10	3,8
Từ 25 – 50%	115	44,2
Từ 51 – 75%	100	38,5
Trên 75%	35	13,5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Đây là do, việc biên soạn chương trình giảng dạy chủ yếu được các CSDN giao trực tiếp cho các giáo viên của đơn vị tự tiến hành biên soạn, phần lớn các giáo viên chưa tham khảo ý kiến của các chuyên gia và các doanh nghiệp... nên khi biên soạn chương trình đào tạo chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của người học, của địa phương. Vì thế, cần có cơ chế xây dựng, kiểm soát quá trình biên soạn chương trình giảng dạy phù hợp với thực tế của người học và của địa phương để nâng cao chất lượng chương trình giảng dạy của các lớp đào tạo nghề cho LĐNT.

2.2.6. Công tác thông tin truyền thông, tư vấn học nghề cho LĐNT

Công tác thông tin truyền thông có vai trò rất quan trọng trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT. Công tác thông tin truyền thông sẽ giúp nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và LĐNT về công tác đào tạo nghề. Qua các phương tiện thông tin, các cơ quan, đơn vị, các hội đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng hơn nữa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tư vấn học nghề, việc làm và vận động các thành viên tham gia học nghề để người lao động không có việc làm, thiếu việc làm, chưa chịu khó lao động có ý thức vươn lên, học nghề và tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân cải thiện cuộc sống góp phần phát

triển kinh tế - xã hội địa phương.

Ngoài ra, những thông tin về học viên sau khi học nghề có được việc làm, tự đầu tư mở rộng vào sản xuất và sản phẩm làm ra có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm... những tấm gương LĐNT sau khi học nghề chí thú làm ăn, tự tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao mức sống hơn trước được phát sóng trên các phương tiện thông tin truyền thông giúp người lao động nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của việc học nghề. Đồng thời qua đó LĐNT cũng nắm bắt được cơ bản những thông tin về cơ sở đào tạo, ngành nghề đào tạo và nơi đào tạo... để có định hướng ban đầu trong việc tham gia vào các lớp đào tạo nghề cho LĐNT.

Để đánh giá công tác thông tin truyền thông, người nghiên cứu tiến hành khảo sát nguồn thông tin học nghề từ LĐNT (Bảng 2.13), thực tế phần lớn LĐNT nắm bắt được thông tin học nghề nhờ vào người quen tham gia học nghề và cán bộ xã đi trực tiếp tuyển sinh các lớp nghề cho CSDN. Có tới 102 học viên (chiếm tỷ lệ 39,2%) cho rằng biết được thông tin học nghề từ cán bộ xã; trong khi đó chỉ có 9 học viên (chiếm tỷ lệ 3,5%) cho rằng biết được thông tin học nghề từ các phương tiện thông tin đại chúng.

Bảng 2.13: Kết quả khảo sát về nguồn thông tin học nghề của LĐNT

Nguồn thông tin học nghề	Học viên	
	SL	TL%
Phòng LĐTBXH huyện	19	7,3
Cán bộ xã	102	39,2
Phương tiện thông tin đại chúng	9	3,5
Các Đoàn, Hội ở địa phương	39	15
Người quen giới thiệu	77	29,6
Các cơ sở dạy nghề	14	5,4

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Những số liệu trên cho thấy các phương tiện thông tin đại chúng như Đài phát thanh xã, phường hoặc Đài truyền hình cũng chưa thực sự dành nhiều thời lượng phát sóng cho công tác này. Vì thế, nhận thức của các cấp, các ngành và LĐNT về công tác đào tạo nghề vẫn còn nhiều hạn chế. Các cơ quan, đơn vị, các hội đoàn thể, LĐNT chưa thật sự tham gia vào công tác đào tạo nghề.

Trong đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý dạy nghề, cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho LĐNT chủ yếu là cán bộ đào tạo của CSDN, cán bộ cấp xã phụ trách lĩnh vực LĐTBXH, cán bộ Phòng LĐTBXH cấp huyện phụ trách đào tạo nghề. Đây là những người trực tiếp tư vấn cho LĐNT về các lớp học nghề từ những thông tin về chương trình học, thời gian học, cách thức học... đến những thông tin sau khi học nghề như phương thức vay vốn tạo việc làm, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm... Vì vậy, cán bộ phụ trách tư vấn am hiểu các kỹ năng tư vấn sẽ góp phần quyết định đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT của địa phương nói riêng và của tỉnh Bạc Liêu nói chung.

Qua kết quả khảo sát về cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho LĐNT (Bảng 2.14), có 235 học viên (chiếm tỷ lệ 90,4%) nhận xét cán bộ phụ trách tư vấn có tinh thần trách nhiệm, nhưng có đến 104 học viên (chiếm tỷ lệ 40%) cho rằng kiến thức về công tác đào tạo nghề và có 96 học viên (chiếm tỷ lệ 36,9%) nhận xét về kỹ năng tư vấn đều thấp. Nguyên nhân chính là do đa phần cán bộ phụ trách tư vấn đều chưa qua lớp tập huấn kỹ năng tư vấn, am hiểu về công tác nghề chưa sâu nên việc thuyết phục, vận động LĐNT tham gia các lớp học nghề gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

Bảng 2.14: Kết quả khảo sát về cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho LĐNT

Nhận xét về cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho LĐNT		Học viên	
		SL	TL%
Tinh thần trách nhiệm	Tốt	125	48,1
	Bình thường	110	42,3
	Không tốt	25	9,6
Kiến thức về công tác đào tạo nghề (tên nghề, chương trình giảng dạy, thời gian đào tạo, chính sách hỗ trợ...)	Tốt	30	11,5
	Bình thường	126	48,5
	Không tốt	104	40
Kỹ năng tư vấn (vui vẻ, nhiệt tình, diễn đạt rõ ràng, nhẫn nại...)	Tốt	65	25
	Bình thường	99	38,1
	Không tốt	96	36,9

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

2.3. Thực trạng mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của lao động nông thôn

Hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu thời gian vừa qua đã có những bước tiến rõ rệt, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp. Để tìm hiểu mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của lao động nông thôn, tác giả đã tiến hành phỏng vấn điển hình 05 lãnh đạo doanh nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, đan lát và may công nghiệp. Đây

là những doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Kết quả phỏng vấn cho thấy:

2.3.1. Mức độ đáp ứng về mặt số lượng

Về cơ bản, các doanh nghiệp đều nhận thấy rằng, Bạc Liêu là một trong những địa phương có nguồn lao động nông thôn khá dồi dào. Do đó, cung nhân lực lao động nông thôn lớn. Mặc dù nguồn nhân lực ít biến động, nhưng nhiều doanh nghiệp tại tỉnh Bạc Liêu vẫn có nhu cầu tuyển dụng lao động với số lượng lớn để sẵn sàng cho việc sản xuất, mở rộng quy mô kinh doanh.

Để đảm bảo nguồn lao động, các doanh nghiệp đã đăng thông tin tuyển dụng qua hình thức thông báo tuyển dụng trước cổng công ty, phát tờ rơi, đăng tuyển trên các trang web tuyển dụng... Có thể kể đến Công ty TNHH MTV Pinetree cần tuyển 500 lao động, Công ty TNHH MTV Nhựa Tỷ Liên tuyển 50 lao động, Công ty CP Thủy sản Bạc Liêu tuyển 200 lao động...

Ý kiến của một lãnh đạo doanh nghiệp may công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho biết: *“Công ty đã đầu tư rất nhiều máy móc hiện đại, Do đó, chúng tôi rất cần lao động đã qua đào tạo bài bản và có kinh nghiệm. May công nghiệp đòi hỏi công nhân phải có kỹ thuật vận hành máy tốt, thuần thục quy trình công nghệ. Bên cạnh đó, công ty chúng tôi đang đẩy mạnh xuất khẩu hàng may mặc. Nhu cầu tuyển dụng lao động sẽ cao hơn trong những năm tiếp theo”*.

Cũng tìm hiểu khía cạnh này, một lãnh đạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nuôi cá nước ngọt lại chia sẻ: *“Nuôi cá nước ngọt là một lĩnh vực đòi hỏi người lao động phải có sự hiểu biết tốt về cá nước ngọt và các kỹ thuật nuôi cá nước ngọt. Hiện nay, tỉnh Bạc Liêu không có nhiều cơ sở đào tạo lĩnh vực này. Thực tế, chúng tôi đang rất cần lao động chất lượng. Số lượng lao động hiện nay không đủ. Thậm chí một người phải đảm nhiệm 2 – 3 nơi, rất vất vả...”*.

Một vài ý kiến khác lại cho rằng doanh nghiệp vẫn còn xảy ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu lao động nông thôn. Đối với một số vị trí công việc cần có kỹ thuật cao thì rất ít lao động đáp ứng được. Bên cạnh đó, tuyển dụng được những lao động này không phải dễ dàng. Chính vì vậy, bản thân doanh nghiệp đã tự tổ chức đào tạo lại, đào tạo bổ sung cho những lao động mà họ cảm thấy có thể chuyển đổi công việc được.

Kết quả phỏng vấn trên cho thấy, mặc dù đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu được quan tâm, chú trọng nhưng thực tế số lượng lao động nông thôn đã qua đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp về mặt số lượng. Đây là điểm mà các cơ quan quản lý có thẩm quyền cũng như cơ sở đào tạo nghề cần lưu tâm.

2.3.2. Mức độ đáp ứng về chất lượng lao động nông thôn

Phó giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu thông tin, trong thời gian qua mặc dù lực lượng lao động của tỉnh tăng cả về số lượng và trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thị trường lao động. Nhìn chung, các doanh nghiệp đều cho rằng chất lượng lao động nông thôn ngày càng được cải thiện đáng kể thông qua hoạt động đào tạo nghề. Đặc biệt, việc triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề LDNT đã đem lại nhận thức của người lao động có chuyển biến rõ rệt, nhiều mô hình sản xuất hoạt động hiệu quả hơn khi bản thân người lao động được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp. Người nông dân trở thành nhà nông có tay nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững góp sức thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, nhu cầu việc làm trong tỉnh chỉ mới chiếm khoảng 25% so

với tổng số lao động được giải quyết việc làm hàng năm. Chất lượng lao động tăng lên chưa nhiều, trong đó tỷ lệ lao động được đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp giỏi còn thấp, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của doanh nghiệp, của thị trường lao động, dẫn đến việc làm thiếu ổn định và thu nhập thấp.

Lãnh đạo một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt cho hay: *“Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp, kỹ năng, tay nghề, thể lực và tác phong lao động công nghiệp còn yếu nên khả năng cạnh tranh thấp. Tình trạng thể lực của lao động hiện nay ở mức trung bình kém, cả về chiều cao, cân nặng cũng như sức bền, sự dẻo dai, chưa đáp ứng được cường độ làm việc và những yêu cầu mới của công việc đặt ra”*.

Ngoài ra, lãnh đạo doanh nghiệp lĩnh vực may công nghiệp bày tỏ ý kiến: *“Kỷ luật lao động của người lao động là điều đáng nói. Hiện nay, không ít người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của quá trình sản xuất công nghiệp. Một bộ phận lớn người lao động chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp”*.

Trong khi đó, lãnh đạo doanh nghiệp đan lát lại nhìn chất lượng lao động nông thôn ở khía cạnh khác: *“Lao động xuất thân từ nông thôn, nông nghiệp, mang nặng tác phong sản xuất của một nền nông nghiệp tiểu nông, tùy tiện về giờ giấc và hành vi. Người lao động chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, không có khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm làm việc”*.

Có thể nhận thấy rằng, đào tạo nghề cho lao động nông thôn không chỉ tạo nền tảng để tỉnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước hình thành đội ngũ lao động có tay nghề cao, có cơ cấu ngành nghề hợp lý, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, bảo đảm sự hài hòa giữa nhu cầu của người lao động với yêu cầu ngày

càng cao của thị trường lao động. Tuy nhiên, để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và đề lao động nông thôn nói riêng, người lao động nói chung có thể nhanh chóng thích nghi với sự biến đổi của thị trường thì đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu cần được quan tâm, sát sao hơn nữa.

2.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp.

2.4.1. Chủ trương, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của quốc gia

Đào tạo nghề và tạo việc làm có thu nhập ổn định cho người nông dân là góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta không ngừng quan tâm đến việc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho lực lượng lao động có chất lượng phục vụ sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. Nghị quyết Đại hội X đã chỉ rõ: “Phát triển hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề, nhất là các nghề cho nông dân trong lĩnh vực nông nghiệp; đa dạng hóa các loại hình dạy nghề, phát triển nhanh đào tạo nghề dài hạn theo hướng hiện đại”.

Công tác đào tạo nghề luôn được Đảng và Nhà nước ta chú trọng, ngày 02 tháng 10 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã ban hành Quyết định số 07/2006/QĐ - BLĐTBXH phê duyệt “*Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*”. Theo đó, cần phải phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề rộng khắp cả nước, đa dạng các hình thức dạy nghề, tạo điều kiện cho người lao động, thanh niên, nông dân, người dân tộc thiểu số học nghề, lập nghiệp; Mở rộng quy mô, đồng thời nâng cao chất lượng dạy nghề, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và những tiến bộ về kỹ thuật, công nghệ;

Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư cho dạy nghề, phát triển các cơ sở dạy nghề tư thục và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư của nước ngoài, mở rộng hội nhập quốc tế về dạy nghề.

Ngày 15/6/2004, Ban Bí thư ra Chỉ thị 40 -CT/TW và ngày 11/01/2005 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 09/2005/QĐ -TTg về xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005 – 2010. Như vậy, song song với công tác đào tạo nghề, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động cũng được Đảng và Nhà nước quan tâm và tích cực triển khai sâu rộng trên địa bàn cả nước, nhằm tạo ra được nguồn nhân lực dồi dào về quy mô đào tạo và có chất lượng tay nghề vững chắc.

Tiếp tục chỉ đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện công tác này như:

Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

*** Đề án “ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”**

Với quan điểm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn; ngày 27 tháng 11 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Với bản đề án này, công tác đào tạo nghề sẽ được đổi mới và phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình.

Mục tiêu tổng quát của bản đề án: bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng một triệu lao động nông thôn, trong đó đào tạo và bồi dưỡng 100.000 lượt cán bộ, công chức xã; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Đề án chia làm ba giai đoạn với những mục tiêu cụ thể:

• Giai đoạn 2009 – 2010:

Tiếp tục dạy nghề cho khoảng 800.000 lao động nông thôn theo mục tiêu của Dự án “ Tăng cường năng lực dạy nghề” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục – Đào tạo đến năm 2010; Thí điểm các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn với khoảng 18.000 người, 50 nghề đào tạo và đặt hàng dạy nghề cho khoảng 12.000 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề theo các mô hình này tối thiểu đạt 80%.

• Giai đoạn 2011 – 2015:

Đào tạo nghề cho 5.200.000 lao động nông thôn, trong đó: khoảng

4.700.000 lao động nông thôn được học nghề (1.600.000 người học nghề nông nghiệp; 3.100.000 người học nghề phi nông nghiệp). Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 70%.

- Giai đoạn 2016 – 2020:

Đào tạo nghề cho khoảng 6.000.000 lao động nông thôn, trong đó: Khoảng 5.500.000 lao động nông thôn được học nghề (1.400.000 người học nghề nông nghiệp; 4.100.000 người học nghề phi nông nghiệp). Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 80%.

2.4.2. Cơ chế chính sách công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Bạc Liêu

Bạc Liêu là địa phương có nền kinh tế sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, lao động nông thôn chiếm trên 80% lực lượng lao động. Để có thể tạo bứt phá trong phát triển kinh tế- xã hội, thì chất lượng lao động nông thôn phải được nâng cao. Tỉnh Bạc Liêu đã quan tâm đào tạo nghề cho lao động nông, đặc biệt là thực hiện chương trình đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, thông qua việc triển khai thực hiện tốt các chính sách đối với người học, đối với giáo viên, giảng viên, đối với cơ sở đào tạo nghề, trong đó đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành trên cơ sở văn bản của Trung ương, của tỉnh kịp thời tham mưu, xây dựng văn bản tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, đảm bảo quy định; giáo viên xuống các thôn bản được hỗ trợ tiền phụ cấp lưu động. Qua đó, chất lượng lao động ở khu vực nông thôn từng bước được nâng cao, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2012 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg cấp tỉnh (*thay thế Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số*

2350/QĐ-UBND ngày 07/9/2011) và các Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg cấp tỉnh.

- Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu về Việc làm - Dạy nghề tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt Danh mục đào tạo và mức chi phí đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2016 – 2020, cụ thể như:

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho người khuyết tật tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2015 - 2020 với 19 nghề đào tạo.

- Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo nghề dưới 3 tháng cho LĐNT lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 với 34 nghề đào tạo.

- Quyết định 103/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc phê duyệt Danh mục nghề và Bảng dự toán mức chi phí đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng cho LĐNT lĩnh vực phi nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 với 31 nghề đào tạo.

2.4.2.1. Chính sách đối với người học

Trên cơ sở danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã ban hành, hằng năm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã thực hiện việc hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia học nghề theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được tiếp cận với đào tạo nghề, cụ thể:

Giai đoạn 2010-2015: quy định mức hỗ trợ tiền ăn 15.000đ/người/ngày

thực học; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000đ/người/khóa học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. *LĐNT thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn* (đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

Giai đoạn 2016-2020: quy định mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại cho đối tượng ở xa địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên là 200.000 đồng/người/khóa học. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Nhằm khuyến khích công tác đào tạo nghề cho LĐNT, Quyết định 1956/QĐ-TTg ban hành các chính sách hỗ trợ đối với người học nghề, giáo viên giảng dạy và hệ thống các CSDN.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vẫn còn nhiều bất cập. Qua thực tế khảo sát đối với học viên về thực trạng chính sách hỗ trợ LĐNT học nghề (Bảng 2.15), chỉ có 20 học viên (chiếm tỷ lệ 7,7%) cho rằng chính sách hỗ trợ tiền ăn, đi lại là phù hợp, trong khi đó có đến 160 học viên (chiếm tỷ lệ 61,5%) cho rằng chính sách hỗ trợ tiền ăn, đi lại là chưa phù hợp. Ngoài ra, về chính sách hỗ trợ vốn tạo việc làm sau học nghề chỉ có 22 học viên (chiếm tỷ lệ 8,5%) cho rằng chính sách phù hợp, trong khi đó có đến 204 học viên (chiếm tỷ lệ 78,5%) cho rằng chính sách hỗ trợ này là chưa phù hợp.

Bảng 2.15: Thực trạng chính sách hỗ trợ LĐNT học nghề

Đánh giá về chính sách hỗ trợ LĐNT học nghề		Học viên	
		SL	TL%
Hỗ trợ tiền ăn, đi lại	Phù hợp	20	7,7
	Tương đối phù hợp	80	30,8
	Chưa phù hợp	160	61,5
Hỗ trợ vốn tạo việc làm sau học nghề	Phù hợp	22	8,5
	Tương đối phù hợp	34	13,1
	Chưa phù hợp	204	78,5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

2.4.2.2. Chính sách đối với giáo viên

Việc thực hiện chính sách đối với giảng viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đảm bảo kịp thời, theo quy định. Giáo viên cơ hữu tham gia đào tạo nghề cho LĐNT thường xuyên phải xuống thôn, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để dạy nghề với thời gian từ 15 ngày trở lên trong tháng được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2% so với mức lương tối thiểu chung; đối với giáo viên hợp đồng, tùy vào nghề đào tạo và thời gian đào tạo được hưởng lương theo quy định tại quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên được các đơn vị, địa phương chú trọng thực hiện tạo điều kiện để đội ngũ giáo viên được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, phương pháp giáo dục mới.

Ngoài ra, để nắm rõ hơn người nghiên cứu đã tiến hành khảo sát việc đánh giá chính sách công tác đào tạo nghề LĐNT trong giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề (Bảng 2.16), có đến 42 giáo viên (chiếm tỷ lệ 60%) và 20

cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 50%) cho rằng chính sách đối với người học nghề là chưa phù hợp; trong khi đó chỉ có 8 giáo viên (chiếm tỷ lệ 11,4%) và 6 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 15%) cho rằng chính sách đối với người học nghề là phù hợp. Số liệu phản ánh thực tế chỉ rõ cần có sự thay đổi, điều chỉnh để chính sách phù hợp hơn đối với người học nghề, đây cũng là cơ sở cho việc thu hút LĐNT tham gia học nghề và chính là một phân động lực giúp người học nghề chú tâm hơn trong quá trình học tập nâng cao kiến thức.

Bảng 2.16: Đánh giá chính sách công tác đào tạo nghề LĐNT

Đánh giá về chính sách công tác đào tạo nghề cho LĐNT		Giáo viên		Cán bộ quản lý	
		SL	TL%	SL	TL%
Chính sách đối với người học nghề	Phù hợp	8	11,4	6	15,0
	Tương đối phù hợp	20	28,6	14	35,0
	Chưa phù hợp	42	60,0	20	50,0
Chính sách đối với giáo viên	Phù hợp	17	24,3	7	17,5
	Tương đối phù hợp	22	31,4	15	37,5
	Chưa phù hợp	31	44,3	18	45,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Đánh giá về chính sách đối với giáo viên, có 17 giáo viên (chiếm tỷ lệ 24,3%) và 7 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 17,5%) cho rằng chính sách đối với giáo viên là phù hợp; trong khi đó có đến 31 giáo viên (chiếm tỷ lệ 44,3%) và 18 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 45%) cho rằng chính sách đối với giáo viên là chưa phù hợp. Vì thế, cần xem xét và có chế độ chính sách hỗ trợ giáo viên dạy nghề phù hợp hơn nhằm thu hút được đội ngũ giáo viên có chất lượng cao góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

2.4.2.3. Chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tỉnh luôn quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) công lập cấp

huyện (nhất là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên ở 02 huyện: Vĩnh Lợi, Hòa Bình).

Việc tổ chức đào tạo nghề cho người lao động bằng nhiều hình thức ưu tiên như: Đối tượng thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ cận nghèo, người bị thu hồi đất... Theo đó, mở trên 131 chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 với số lao động nông thôn được học nghề 109.585 người. Qua đào tạo, tỷ lệ người lao động có việc làm và thu nhập là 87.868, đạt trên 80%.

Có trên 80% lớp dạy nghề cho lao động nông thôn mở tại các xã, phường, thị trấn đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn. Các lớp dạy nghề mở tại các địa phương được bố trí đảm bảo các thiết bị cần thiết, việc cung cấp nguyên vật liệu thực hành, hỗ trợ các văn phòng phẩm, tiền ăn cho học viên đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định. Bước đầu, công tác dạy nghề đã gắn kết với nhu cầu, địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp như nghề may công nghiệp, điện dân dụng, xây dựng, gò, hàn... Nhiều lao động sau khi học nghề được giới thiệu và đi làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh, một số lao động tham gia xuất khẩu lao động ở nước ngoài.

Thông qua việc được tham gia các chương trình đào tạo nghề, người lao động tại các địa phương đã chủ động tạo thêm việc làm và mạnh dạn hơn trong việc ứng dụng kiến thức khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, canh tác, sản xuất... Qua đó đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng, tăng năng xuất lao động, góp phần nâng cao thu nhập gia đình, giảm nghèo, ổn định đời sống xã hội ở khu vực nông thôn và đóng góp tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến tháng 7/2020 toàn tỉnh có 49/49 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Đánh giá về chính sách đối với CSDN, có 16 giáo viên (chiếm tỷ lệ

22,9%) và 14 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 35%) cho rằng chính sách đối với CSDN là phù hợp; có 19 giáo viên (chiếm tỷ lệ 27,1%) và 16 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 40%) cho rằng chính sách đối với CSDN là chưa phù hợp. Tỉnh Bạc Liêu có mạng lưới CSDN chưa phát triển, nếu tận hưởng được chính sách hỗ trợ CSDN của Đề án đào tạo nghề cho LĐNT sẽ thúc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho LĐNT nói riêng. Tuy nhiên, theo thực tế chính sách hỗ trợ CSDN chưa phù hợp, đây chính là hạn chế trong việc phát triển hệ thống mạng lưới CSDN và công tác đào tạo nghề của tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 2.17: Đánh giá chính sách đối với các CSDN công tác đào tạo nghề LĐNT đối với các CSDN

Đánh giá về chính sách công tác đào tạo nghề cho LĐNT		Giáo viên		Cán bộ quản lý	
		SL	TL%	SL	TL%
Chính sách đối với CSDN	Phù hợp	16	22,9	14	35,0
	Tương đối phù hợp	35	50,0	10	25,0
	Chưa phù hợp	19	27,1	16	40,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

2.4.3. Công tác phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp - người học nghề trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT

Công tác đào tạo nghề cho LĐNT là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, công tác phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT có vai trò then chốt quyết định đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

Theo kết quả khảo sát việc đánh giá sự phối hợp giữa chính quyền - CSDN- người học nghề - doanh nghiệp (Bảng 2.18), có 9 học viên (chiếm tỷ

lệ 3,5%), 11 giáo viên (chiếm tỷ lệ 14%) và 4 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 6%) cho rằng sự phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp - người học nghề là chặt chẽ; trong khi đó có đến có 176 học viên (chiếm tỷ lệ 68%), 50 giáo viên (chiếm tỷ lệ 75%) và 28 cán bộ quản lý (chiếm tỷ lệ 75%) cho rằng sự phối hợp diễn ra không chặt chẽ.

Bảng 2.18: Đánh giá sự phối hợp giữa chính quyền - cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp

Đánh giá về sự phối hợp		Học viên		Giáo viên		Cán bộ quản lý	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Sự phối hợp giữa chính quyền - CSDN- người học nghề - doanh nghiệp	Chặt chẽ	9	3,5	11	14,0	4	6,0
	Tương đối chặt chẽ	75	28,8	9	11,0	8	19,0
	Không chặt chẽ	176	68,0	50	75,0	28	75,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Đây chính là thực trạng của việc chưa đẩy mạnh sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và người học nghề từ khi xác định nhu cầu đào tạo, tổ chức đào tạo, đến giải quyết việc làm, tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác, cũng phản ánh việc chưa huy động sự tham gia, chỉ đạo tích cực, hiệu quả của các ban, ngành có liên quan trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi trong việc xác định nhu cầu, tổ chức dạy nghề, tổ chức lao động sản xuất, bao tiêu sản phẩm hàng hoá.

Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa giữa chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và người học nghề để nâng cao chất

lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

2.5. Các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.5.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo

Giai đoạn 2010 - 2015

Số LĐNT được đào tạo nghề là 66.255 lao động (*trong đó: trình độ cao đẳng 1.576; trình độ trung cấp 8.685; sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng 55.994*). Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2015 là 46,3%.

Số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg là 35.849 lao động.

Giai đoạn 2016 - 2020

Số LĐNT được đào tạo nghề là 109.585 lao động (*trong đó: trình độ cao đẳng là 4.254; trình độ trung cấp là 6.780; sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng là 98.551*). Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2020 là 63,44%.

Số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg là 16.337 lao động.

2.5.2. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo

Giai đoạn 2010 - 2015:

Số LĐNT có việc làm sau đào tạo là 49.153 lao động, đạt trên 74%.

Số LĐNT được hỗ trợ vay vốn để tổ chức sản xuất sau khi học nghề là 4.087 lao động, số tiền trên 40,7 tỷ đồng.

Số LĐNT thuộc hộ nghèo, sau khi học nghề có việc làm thoát nghèo là 2.208 người.

Số LĐNT sau khi học nghề, có việc làm đã trở thành hộ có thu nhập khá là 1.746 người.

Giai đoạn 2016 - 2020:

Số LĐNT có việc làm sau đào tạo là 87.868 lao động, đạt trên 80%.

Số LĐNT được hỗ trợ vay vốn để tổ chức sản xuất sau khi học nghề là 2.751 lao động, số tiền trên 26 tỷ đồng.

Số lao động nông thôn thuộc hộ nghèo, sau khi học nghề có việc làm thoát nghèo là 1.675 người.

Số lao động nông thôn sau khi học nghề, có việc làm đã trở thành hộ có thu nhập khá là 810 người.

2.6. Đánh giá chung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu.

2.6.1. Kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Từ năm 2010 - 2020, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thực hiện đạt được mục tiêu đề ra theo từng giai đoạn, góp phần tích cực trong công tác giải quyết việc làm cho LĐNT, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án đến các cấp, các ngành và người lao động, nhất là LĐNT; tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho LĐNT trên cơ sở nhu cầu và đề xuất của từng địa phương; xây dựng các mô hình đào tạo nghề gắn với sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ và giải quyết việc làm cho LĐNT, nhân rộng các mô hình đào tạo nghề đạt hiệu quả.

Giai đoạn 2010 - 2015 hơn 66 ngàn LĐNT được đào tạo nghề; hơn 49 ngàn LĐNT có việc làm sau đào tạo nghề, đạt tỷ lệ trên 74%. Giai đoạn 2016 - 2020 có hơn 100 ngàn LĐNT được đào tạo nghề, kết quả có hơn 87 ngàn LĐNT được đào tạo nghề có việc làm, đạt tỷ lệ hơn 80%.

Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, việc rà soát, nắm bắt nhu cầu học nghề của LĐNT có nơi chưa được quan tâm đúng mức; cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa thật sự hợp lý, đa số đào tạo ngành nghề nông nghiệp; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề chưa

đáp ứng nhu cầu thực tế.

Tiếp tục thực hiện Đề án trong giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu đặt ra đối với đào tạo nhân lực các cấp là 145 ngàn người, trong đó dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 là 72.500 người, giai đoạn 2026 - 2030 là 72.500 người. Đào tạo nghề cho LĐNT là 120 ngàn người, trong đó dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 là 60 ngàn người, giai đoạn 2026 - 2030 là 60 ngàn người.

a. Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn

Thường xuyên tổ chức triển khai, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; vai trò đào tạo nghề cho LĐNT đối với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành với chức năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức tuyên truyền về công tác đào tạo và hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT như:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội in 31.000 tờ rơi tuyên truyền về mục tiêu, hình thức, ngành nghề đào tạo cho LĐNT và phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến đến tận hộ gia đình, người lao động có nhu cầu học nghề; ký hợp đồng với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bạc Liêu xây dựng các phóng sự, bản tin, bài viết tuyên truyền về hoạt động, mô hình đào tạo nghề cho LĐNT ở các địa phương.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bạc Liêu đã phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố xây dựng nội dung, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, hoạt động, mô hình đào tạo nghề cho LĐNT; tổ

chức đi thực tế, có nhiều bài viết, bản tin chuyên sâu phản ánh về hoạt động, mô hình và kết quả đào tạo nghề cho LĐNT với trên 1.500 tin, bài, hình ảnh liên quan.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền về Đề án cho trên 245.000 lượt đoàn viên, hội viên của các đoàn thể ở cơ sở; bồi dưỡng cho trên 2.200 lượt cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm của các địa phương; trực tiếp tư vấn học nghề, định hướng nghề nghiệp, việc làm cho trên 338.700 lượt lao động.

b. Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề

Ngay khi bắt đầu thực hiện Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện nhiệm vụ điều tra, khảo sát và nắm nhu cầu học nghề của LĐNT trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Kết quả giai đoạn 2016 - 2020 có 109.585 người đăng ký học nghề. Sau đó, nhiệm vụ điều tra, khảo sát, rà soát nhu cầu học nghề của LĐNT giao lại cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện. Trên cơ sở này, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tiến hành rà soát, tổng hợp danh sách, số lượng lao động đăng ký học nghề và báo cáo về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xây dựng Kế hoạch tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức đào tạo.

Năm 2020, thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai và tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của LĐNT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

c. Các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Từ khi triển khai thực hiện Đề án đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, nhất là cơ sở lựa chọn, xây dựng mô

hình đào tạo gắn với việc làm cho người lao động. Qua 10 năm thực hiện, đã có nhiều học viên được đào tạo và áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ có hiệu quả như: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt, heo, dê; kỹ thuật nuôi tôm thẻ, sú; kỹ thuật nhân giống lúa; kỹ thuật nuôi cua biển; kỹ thuật nuôi cá nước ngọt,... Mô hình đào tạo gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động theo hình thức gia công sản phẩm như: Đan đất lục bình, đan dây nhựa, may dân dụng,... Ngoài ra, tổ chức đào tạo may công nghiệp, xây dựng dân dụng, đào tạo nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao cung ứng cho doanh nghiệp và theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp (*Nhà máy may Vinatex Bạc Liêu, Công ty may Pinetree, Hợp tác xã xây dựng Minh Phú, Công ty, doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản,...*).

Nhìn chung, sau học nghề, nhiều người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, vươn lên thoát nghèo, trong số này có người trở thành hộ khá.

d. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập

- Về đầu tư xây dựng cơ bản:

Có 6 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được đầu tư xây dựng cơ bản (*kể cả xây dựng mới và sửa chữa lớn*) gồm: Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu, Trường Trung cấp Nghề Bạc Liêu (*nay sáp nhập vào Trường Cao đẳng nghề*), 4 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (*thị xã Giá Rai, Đông Hải, Hồng Dân và Phước Long*), với tổng kinh phí 42,5 tỷ đồng.

Số cơ sở còn lại như: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hòa Bình, Vĩnh Lợi sử dụng trụ sở làm việc của đơn vị khác chuyển sang và có sửa chữa nhỏ, nên còn gặp khó khăn trong hoạt động đào tạo.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy nghề:

Có 07 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được đầu tư mua sắm trang

thiết bị dạy nghề, với tổng kinh phí 67 tỷ đồng.

Nhìn chung, đa số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề nên cơ bản đảm bảo năng lực đào tạo, trong đó có đào tạo nghề cho LĐNT.

đ. Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề

Từ khi triển khai thực hiện Đề án đến nay, tỉnh đã ban hành danh mục đào tạo gồm 92 nghề, trong đó nghề nông nghiệp 42 và phi nông nghiệp 50. Các ngành nghề này đa số phù hợp với nhu cầu, điều kiện sản xuất, phương án sinh kế của LĐNT và Kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là khu vực nông thôn.

Trên cơ sở các danh mục nghề được phê duyệt, các cơ sở GDNN đã cập nhật, sửa chữa hoặc xây dựng mới 131 chương trình, giáo trình đào tạo; đầu tư, mua sắm hoặc tự làm các thiết bị đào tạo, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo hướng tích hợp, trong đó chú trọng đến đào tạo về tay nghề, kỹ năng nghề và thái độ làm việc của LĐNT. Thông qua đây, giúp người lao động có tay nghề, có nhiều cơ hội về việc làm, tạo sinh kế, đồng thời góp phần nâng cao nguồn nhân lực, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

e. Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý

Tổng số giáo viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 345 (*trong đó trình độ tiến sỹ 05; thạc sỹ 89; đại học 223; cao đẳng 05; trung cấp 16; trình độ khác 06 và 100% có chứng chỉ sư phạm nghề, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học*). Đa số giáo viên và cán bộ quản lý tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ,... đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý và đào tạo nghề cho LĐNT

trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, còn có các kỹ sư, nghệ nhân, thợ lành nghề, nông dân sản xuất giỏi,... tham gia vào hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT.

g. Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề

Các hoạt động hỗ trợ LĐNT học nghề được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, nhất là LĐNT về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học nghề; bố trí địa điểm thuận tiện để LĐNT tham gia học nghề; đặc biệt là thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ chi phí học nghề của LĐNT. Trong 10 năm qua, tỉnh đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho 52.186 LĐNT học nghề, với tổng kinh phí gần 61 tỷ đồng.

h. Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

Hàng năm, tỉnh đều thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, lựa chọn một vài xã, phường để kiểm tra thực tế tại hộ dân; cũng như Ban Chỉ đạo hoặc Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trong đó có tiêu chí lao động qua đào tạo tại các huyện, thị xã, thành phố, nhất là tại các xã trên địa bàn tỉnh.

Việc kiểm tra, giám sát tập trung vào công tác chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT; kiểm tra thực tế tại các lớp đào tạo; ghi chép, lưu trữ sổ sách, hồ sơ tổ chức các lớp đào tạo; bố trí giáo viên, người tham gia dạy nghề về tiêu chuẩn, điều kiện đứng lớp giảng dạy; việc chi hỗ trợ và mức chi hỗ trợ cho người học theo quy định,... Qua đó, có hướng dẫn, chấn chỉnh khắc phục những hạn chế, tồn tại đã qua và định hướng thực hiện công tác đào tạo cho LĐNT trong thời gian tới.

2.6.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

2.6.2.1. Một số hạn chế

Quản lý nhà nước về đào tạo nghề còn chông chéo: các trường, trung tâm đào tạo nghề là những cơ sở chuyên về đào tạo nghề thì do Phòng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Các cơ sở khác có tham gia hoạt động đào tạo nghề do Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... quản lý nên việc chỉ đạo chung và về chuyên ngành đào tạo chưa chuyên sâu. Thực trạng này gây khó khăn trong quản lý chuyên môn và tổ chức, hơn nữa sự tập trung, điều phối nguồn vốn đầu tư, nhân lực cán bộ, giáo viên trong toàn hệ thống các cơ sở đào tạo nghề không chuyên nghiệp và rất kém hiệu quả.

Hiện nay, tỉnh chưa có cơ chế chính sách, quy định cụ thể đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nông thôn và trách nhiệm trong việc phối hợp với các cơ sở đào tạo để đào tạo nghề cho lao động trước khi đưa vào sử dụng.

Điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo nghề và trung tâm giáo dục dạy nghề của tỉnh Bạc Liêu còn nhiều khó khăn, thiết bị đào tạo nghề chưa được đầu tư đồng bộ. Bên cạnh đó, Một số Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (*Hòa Bình, Vĩnh Lợi*) chưa được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phải sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan khác chuyển giao sang, nên không phù hợp công năng, điều kiện hoạt động đào tạo nghề. Ngoài ra, số lượng phòng học, xưởng thực hành ở các cơ sở đào tạo nghề và trung tâm giáo dục dạy nghề của tỉnh chưa đáp ứng đủ so với quy mô đào tạo thực tế, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nghề đặc biệt là đối với các nghề được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư trọng điểm ở cấp độ quốc gia.

Kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ cho đào tạo nghề hàng năm thấp trong khi ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nên số lao động được hỗ trợ học

ngành theo chính sách Đề án 1956 chưa đáp ứng được so với nhu cầu.

Số lượng Giáo viên trong biên chế của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên ở cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu không nhiều, nhưng bố trí nhiều vị trí việc làm khác nhau dẫn đến thiếu giáo viên dạy nghề, giáo viên cơ hữu. Vì vậy, phải hợp đồng giáo viên thỉnh giảng tham gia đào tạo nghề cho LĐNT nên gây khó khăn cho công tác đào tạo nghề nhằm để đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn.

Công tác quản lý, việc đổi mới mục tiêu, phương pháp đào tạo nghề, nhất là phương pháp dạy học của giáo viên theo hướng tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tế giảng dạy, sử dụng các mô hình, dụng cụ, học liệu trực quan... chưa được các cơ sở đào tạo nghề quan tâm đúng mức.

Chương trình, giáo trình phương pháp đào tạo hiện nay còn bất cập chưa đáp ứng được đúng yêu cầu thực tế và yêu cầu của người học. Việc phân bổ giữa lý thuyết và thực hành chưa hợp lý, chương trình hiện nay “nặng” về lý thuyết “nhẹ” về thực hành điều này làm cho người học không có đủ kỹ năng nghề đảm bảo được yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng lao động. Một số ngành nghề thiết bị đào tạo không còn phù hợp với nhu cầu thực tế, những ngành nghề mới nên gây khó khăn trong quá trình giảng dạy và thực hành.

Tuyển sinh đào tạo nghề các cơ sở đào tạo nghề hiện gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là tuyển sinh trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề còn chưa đạt hiệu quả. Chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu đào tạo của tỉnh; lao động nông thôn theo học nghề chủ yếu là ngắn hạn (dưới 3 tháng). Nguyên nhân chủ yếu là do tâm lý người học chỉ muốn theo học đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, do chưa thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau THCS, THPT, một phần do các trường đào tạo nghề chưa thực sự có sức hút đối với người học...

Công tác tuyên truyền và nhận thức về đào tạo nghề, học nghề chưa

thực sự sâu rộng, hiệu quả; cùng với đó là trình độ nhận thức của người dân thấp, có tư tưởng trông chờ vào sự bao cấp từ ngân sách nhà nước. Nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn chưa đầy đủ, nhất là về xã hội hoá đào tạo nghề.

Công tác giới thiệu việc làm sau khi học nghề đi làm việc ở trong tỉnh, ngoài tỉnh gặp khó khăn do các cơ quan quản lý chưa có sự năng động trong việc tìm kiếm, giới thiệu việc làm.

2.6.2. Nguyên nhân

Một trong những nguyên nhân cơ bản là do nhận thức của các cấp, các ngành, của xã hội và lao động nông thôn chưa đầy đủ, xem xã hội hóa chỉ là biện pháp huy động sự đóng góp của nhân dân; chưa coi dạy nghề là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- *Một là*, chưa có chính sách mạnh mẽ phát triển đào tạo nghề thay đổi cơ cấu nguồn nhân lực của huyện. Chủ trương phân luồng và định hướng đào tạo nghề chưa được thực hiện một cách triệt để. Nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong quá trình thực hiện chậm thay đổi nên không còn phù hợp với nhu cầu xã hội và người học nghề.

- *Hai là*, bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực đào tạo nghề thiếu ổn định. Các cơ sở đào tạo nghề công lập chưa phát huy hết tính năng động và tự chủ của đơn vị.

- *Ba là*, triển khai thực hiện các quy hoạch, kế hoạch đào tạo nghề chưa nghiêm túc. Doanh nghiệp chưa tham gia nhiều vào công tác đào tạo nghề.

- *Bốn là*, đầu tư cho công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên còn hạn chế. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách đãi ngộ giáo viên đào tạo nghề chưa được quan tâm đúng mức.

- *Năm là*, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu.

- *Sáu là*, công tác đầu tư nghiên cứu khoa học cho các cơ sở đào tạo nghề trọng điểm, nghề trọng điểm còn yếu và chưa được quan tâm đúng mức.

- *Bảy là*, việc kiểm định chất lượng đào tạo nghề do mới triển khai, nên công tác đánh giá kỹ năng nghề chưa được thực hiện trên địa bàn.

- *Tám là*, nhận thức chung của người dân đặc biệt là người lao động nông thôn tại các dân tộc thiểu số về đào tạo nghề chưa cao.

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DOANH NGHIỆP

3.1. Cơ sở đề xuất các giải pháp

3.1.1. Căn cứ vào quan điểm chỉ đạo công tác đào tạo nghề cho LĐNT của Đảng và Nhà nước

Quan điểm đào tạo nghề cho LĐNT tại Quyết định 1956/QĐ-TTg có nội dung: “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

Chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương;

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến về chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế- xã hội ở xã phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình". Đây là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

3.1.2. Căn cứ vào Quy hoạch phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Phát triển nhân lực Bạc Liêu là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để phát triển nhân lực một cách toàn diện, từ nâng cao chất lượng dân số đến bảo đảm sức khỏe, giáo dục, đào tạo nghề, đến tạo việc làm, nhằm thực hiện thành công mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển kinh tế cho từng giai đoạn; phù hợp với cơ cấu và nhu cầu nhân lực theo từng ngành, từng lĩnh vực.

- Tạo điều kiện cho LĐNT tham gia học nghề có sự hỗ trợ của Nhà nước, góp phần tạo nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là khu vực nông thôn.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng nghề cho LĐNT ở các cấp trình độ nhằm góp phần giải quyết việc làm, tăng năng suất lao động, nâng thu nhập, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, từng bước đáp ứng yêu

cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thực thi công vụ của tỉnh.

Để đạt được mục tiêu đó, tỉnh Bạc Liêu đã xây dựng những mục tiêu cụ thể: Giai đoạn 2021 - 2025: Đào tạo nghề cho 80.000 lao động nông thôn, trong đó: 30.500 người học nghề phi nông nghiệp, 49.500 người học nghề nông nghiệp. Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 90%.

3.1.3. Căn cứ vào thực trạng khảo sát công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại tỉnh Bạc Liêu

Đối với quá trình thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông thôn, lao động nông thôn có vai trò quyết định đến sự phát triển kinh tế của mỗi gia đình nói riêng và của cả nông thôn nói chung. Ngày nay, yêu cầu của sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường buộc người lao động nông thôn phải tính toán tới hiệu quả sản xuất, vì vậy xuất hiện nhu cầu áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Đào tạo nghề cho LĐNT là một trong những khâu then chốt giúp thực hiện quá trình phát triển nông thôn. Điều đó đặt ra trách nhiệm cho các cấp, các ngành trong việc đáp ứng nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn không chỉ nhằm nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm bền vững cho người lao động. Tuy nhiên, qua thực trạng khảo sát đã phản ánh rõ những bất cập trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu.

Việc tuyên truyền công tác đào tạo nghề cho LĐNT chưa được thường

xuyên và chú trọng, thời lượng phát sóng của các phương tiện thông tin truyền thông từ tỉnh đến xã, áp đều rất thấp. Đội ngũ tư vấn học nghề cho LĐNT chưa được tập huấn, bồi dưỡng đạt chất lượng nên đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của các cơ sở chưa thật sự phù hợp với quá trình học nghề. Giáo viên dạy nghề cho LĐNT chưa được thật sự quan tâm, chưa có các chính sách đãi ngộ giáo viên trong lĩnh vực này. Các cơ sở dạy nghề cũng chưa tạo điều kiện cho giáo viên được tham quan, học hỏi kinh nghiệm mới, tiên tiến từ những cơ sở sản xuất, doanh nghiệp... Mặt khác, việc giám sát, đánh giá công tác đào tạo nghề cho LĐNT cũng chưa được thường xuyên và chặt chẽ nên việc khắc phục những tồn tại trong đào tạo nghề chưa được kịp thời...

3.2. Định hướng cho việc đề xuất các giải pháp

3.2.1. Tính khả thi

Các giải pháp đề xuất phải hợp lý và có ứng dụng cao trong thực tế. Các giải pháp phải tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được và không gây những thay đổi bất lợi trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

Đảm bảo quyền lợi của LĐNT tham gia học nghề, giáo viên dạy nghề và các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

Phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3.2.2. Tính hiệu quả

Tập trung được sự quan tâm của hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

Phát triển được hệ thống các cơ sở dạy nghề và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề cho LĐNT.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề.

Định hướng cho sự phát triển các ngành nghề đào tạo cho LĐNT của địa phương.

Đẩy mạnh sự phối hợp của chính quyền – cơ sở dạy nghề – doanh nghiệp – LĐNT trong đào tạo nghề.

LĐNT sau khi học nghề có được việc làm và có thu nhập ổn định.

3.3. Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp

Từ những vấn đề vừa nêu trên, xin đề xuất 03 giải pháp để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3.3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch, quy hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; địa phương cần phải có sự “vào cuộc” mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị ở địa phương. Nhận thức đúng về chất lượng đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn là cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương, nâng cao chất lượng, năng suất lao động; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm sản xuất tại địa phương trên thị trường. Thực tế thời gian vừa qua cho thấy, ở địa phương nào có sự quan tâm của cấp ủy đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền và sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội... thì ở đó công tác dạy nghề cho nông dân và lao động nông thôn đạt được kết quả mong muốn.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên của mình tham gia học nghề.

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng trên phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội,

tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề.

- Đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về học nghề và chủ động lựa chọn các loại hình học nghề phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình.

3.3.2. Tăng cường công tác truyền thông và tư vấn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a. Mục tiêu

Tăng số lượng LĐNT tham gia học nghề, đồng thời định hướng giúp LĐNT học nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Do trình độ văn hóa và trình độ tay nghề thấp dẫn đến tâm lý chung của lao động nông thôn ít chịu đổi mới, dè dặt, ít tiếp thu khi đón nhận các yếu tố kỹ thuật mới, nhận thức chưa đầy đủ về việc cần phải được đào tạo, chưa có tầm nhìn trong việc xác định nghề cần học như: Học cái gì? Học như thế nào? Học ở đâu?... Do vậy, chính quyền các cấp, cũng như các tổ chức xã hội còn đóng vai trò định hướng về nghề nghiệp, hỗ trợ và tổ chức dạy nghề, nâng cao năng lực làm việc cho lao động nông thôn.

Vì vậy, nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc triển khai công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở các địa phương. Đào tạo nghề cho LĐNT không chỉ nhằm nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động, bên cạnh đó giúp cho các địa phương hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.

Công tác thông tin truyền thông sẽ giúp nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và LĐNT về công tác đào tạo nghề, phát triển các mô hình kinh tế

tiêu biểu, bên cạnh đó còn giúp LĐNT nắm bắt được cơ bản những thông tin về cơ sở đào tạo, ngành nghề đào tạo và nơi đào tạo, các mô hình phát triển kinh tế phù hợp ở địa phương... để có định hướng ban đầu trong việc tham gia vào các lớp đào tạo nghề cho LĐNT.

Tuy nhiên, qua thực trạng khảo sát, công tác thông tin truyền thông của tỉnh Bạc Liêu hiện nay còn nhiều hạn chế cần được khắc phục. Cần tập trung thực hiện các biện pháp sau đây:

Thứ nhất, UBND các cấp tăng cường chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, nhất là Đài phát thanh truyền hình phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan (*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương...*) và các cơ sở dạy nghề trong tỉnh xây dựng nội dung, mở và duy trì thường xuyên phổ biến về các hình thức, biện pháp tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của địa phương (*đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn*), gia đình (*gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt là gia đình có công với cách mạng...*) và bản thân của người lao động.

Đài truyền hình, Báo Bạc Liêu, các đài, trạm phát thanh thực hiện nhiều bài viết chuyên sâu, bám sát thực tế lao động ở địa phương, các hoạt động có hiệu quả của các cơ sở dạy nghề, trong đó chú trọng tuyên truyền sâu rộng vai trò, tính cần thiết của công tác dạy nghề để nâng cao tay nghề chuyên môn kỹ thuật cao cho LĐNT nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển kinh tế xã hội.

Thứ hai, theo thực trạng khảo sát, việc tư vấn học nghề cũng có nhiều hạn chế vì thiếu đội ngũ tư vấn am hiểu công tác quản lý dạy nghề cũng như kỹ năng tư vấn. Ngày nay, các phương tiện thông tin ngày càng nhiều, LĐNT nắm bắt rất nhanh nên người tư vấn phải luôn cập nhật thông tin và không thể lạc hậu hơn so với LĐNT. LĐNT tin tưởng và dành thời gian để được tư vấn

nhằm mong muốn học được nghề có lợi ích cho bản thân và cho gia đình, vì vậy đội ngũ tư vấn phải làm việc có trách nhiệm để xứng đáng với niềm tin của LĐNT.

Nâng cao kỹ năng và trình độ hiểu biết của người tư vấn là điều kiện tiên quyết góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề đến với LĐNT. Vì vậy, Sở LĐTBXH cần thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng tư vấn nghề cho các tổ chức Hội, Đoàn thể, cán bộ quản lý dạy nghề, giáo viên, người dạy nghề về quan điểm đào tạo nghề cho LĐNT, chính sách, đối tượng, nơi (*các cơ sở*) đào tạo nghề LĐNT, các ngành nghề đào tạo... để tuyên truyền, tư vấn đến người LĐNT biết cụ thể có định hướng rõ ràng và hợp lý cho việc tham gia các lớp đào tạo nghề cho LĐNT và chuẩn bị tốt khâu tổ chức sản xuất, tìm việc làm sau khi học xong. Quá trình tuyên truyền, tư vấn phải thường xuyên, liên tục trong các buổi sinh hoạt đoàn thể, các buổi họp dân ở địa phương, các buổi học trên lớp, trên các phương tiện thông tin và truyền thông từ tỉnh đến ấp...

Thứ ba, Trung tâm Giới thiệu việc làm Bạc Liêu lồng ghép vào các phiên giao dịch việc làm về công tác đào tạo nghề cho LĐNT đến các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp để đưa các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nghề - tạo điều kiện cho người học tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ở cơ sở trong quá trình học tập, liên kết tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm...

Thứ tư, thành lập **Tổ công tác thông tin** (Bảng 3.1) để có kế hoạch tuyên truyền cụ thể công tác đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, giám sát công tác tuyên truyền ở các cấp như nói trên. Mặt khác, Tổ còn có nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, liên kết với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp... trong việc hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho lao động nông thôn.

Bảng 3.1: Tổ công tác thông tin

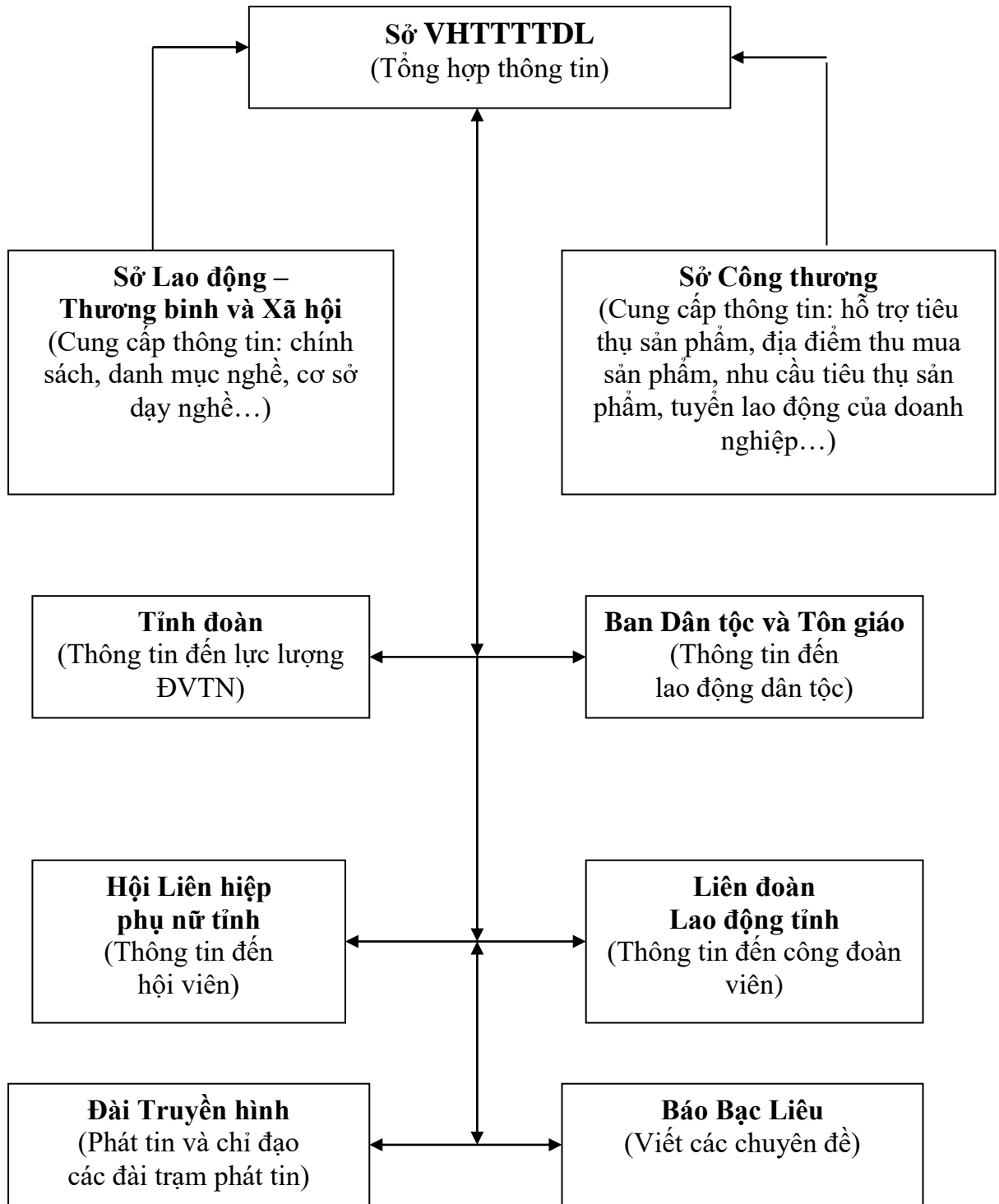
TT	Tên Sở, ban, ngành	Ghi chú
01	Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch	Tổ trưởng
02	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên
03	Sở Công thương	Thành viên
04	Đài Phát thanh và Truyền hình	Thành viên
05	Báo Bạc Liêu	Thành viên
06	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Thành viên
07	Liên đoàn Lao động tỉnh	Thành viên
08	Tỉnh Đoàn	Thành viên
09	Ban Dân tộc và Tôn giáo	Thành viên

Tổ công tác thông tin được thành lập từ có 9 cơ quan, ban ngành. Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông làm Tổ trưởng có nhiệm vụ tổng hợp thông tin chính về đào tạo nghề cho LĐNT từ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Công thương, sau đó sẽ biên tập phối hợp với Đài Truyền hình, Báo Bạc Liêu, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn, Ban dân tộc để thông tin tuyên truyền đến từng hội viên, đoàn viên... và rộng khắp trong toàn xã hội. Hoạt động của Tổ công tác thông tin được cụ thể hóa bằng sơ đồ hoạt động (Hình 3.1) dưới đây.

Công tác tuyên truyền cần lựa chọn các hình thức tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của địa phương, cần chú trọng tuyên truyền các điển hình tiên tiến phải được xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và phải được duy trì thực hiện thường xuyên, liên tục với nội dung, hình thức, phương tiện tuyên truyền phong phú, sinh động và đa dạng. Những sáng kiến, cách làm hay, các mô hình kinh tế có hiệu quả qua công tác đào tạo mang lại phải được tuyên truyền nhân rộng kịp thời, trong đó cần coi trọng hình thức tổ chức cho nông dân tham quan thực tế các mô hình điển của công tác đào tạo nghề mang lại,

cụ thể như sau:

Thường xuyên phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Triển khai tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng; bằng nhiều phương pháp và hình thức để đạt được hiệu quả cao nhất từ đó làm thay đổi nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội về đào tạo nghề là điều kiện để tạo việc làm, giảm nghèo bền vững.



Hình 3.1: Sơ đồ hoạt động của Tổ công tác thông tin

Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh.

Tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn, để họ nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề cho lao động nông thôn, nắm bắt được các quy định về dạy nghề, các nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau học, các cơ sở có đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn,... để lựa chọn nghề học và cần có thái độ nghiêm túc trong việc tham gia học nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Để công tác tuyên truyền thực sự là công việc của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi các cấp ủy Đảng và cả hệ thống chính trị phải có nhận thức sâu sắc, đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền và tuyên truyền điển hình về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn hiện nay. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, có kế hoạch tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, xem đây là một nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, quyết định đến thắng lợi của Chương trình đào tạo nghề. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, xây dựng niềm tin của nhân dân.

3.3.3. Tăng cường các điều kiện nâng cao năng lực và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

3.3.3.1. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

a. Mục tiêu

Đáp ứng nhu cầu học nghề của LĐNT phù hợp với ngành nghề và thực tế phát triển của địa phương.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Theo thực trạng khảo sát, các CSDN công lập (chủ yếu là các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện) đảm nhận vai trò chính trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT, nên hệ thống cơ sở đào tạo nghề cho LĐNT chưa thật sự mạnh mẽ, chưa đa dạng đáp ứng nhu cầu học nghề của LĐNT. Mặt khác, dẫn đến tình trạng không có sự đầu tư phát triển cơ sở nhằm cạnh tranh trong đào tạo nghề nên ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, nội dung đào tạo chưa phù hợp với thực tế của địa phương.

Ngày nay, dạy nghề cho lao động nông thôn được thực hiện dưới nhiều hình thức linh động và đa dạng: dạy nghề chính quy tại CSDN; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh; dạy nghề lưu động (tại xã, thị trấn); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ; dạy nghề gắn với các làng nghề; dạy nghề theo hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp, dạy nghề cho lao động đi làm việc ngoài nước theo hợp đồng lao động...

Cho nên, cần mở rộng hệ thống các cơ sở đào tạo nghề cho LĐNT, huy động hệ thống các trường giáo dục chuyên nghiệp như Trường Đại học Bạc Liêu, các trường cao đẳng trên địa bàn, trung tâm hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên... tham gia đào tạo nghề cho LĐNT. Vì vậy, Sở LĐTBXH tham mưu UBND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu đào tạo nghề cho LĐNT cụ thể hàng năm cho các đơn vị, xem đây là nhiệm vụ chính trị xã hội được Đảng và Nhà nước giao cho.

Ngoài ra, Sở LĐTBXH kết hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh có những cơ chế hợp lý khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở dạy nghề tư nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ... có đủ điều kiện được tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn. Đây là nguồn lực rất đáng được quan tâm trong việc phát

triển hệ thống mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu học nghề của LĐNT, đồng thời tăng cường sự cạnh tranh đào tạo nghề cho LĐNT giữa các cơ sở nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

3.3.3.2. *Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề*

a. Mục tiêu

Đảm bảo đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và chất lượng thực hiện tốt đào tạo nghề cho LĐNT.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Theo thực trạng, phần lớn các CSDN đều mời cán bộ của các ban, ngành tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề cho LĐNT, trong đó có các trung tâm dạy các huyện. Trung tâm dạy nghề các huyện là CSDN có vai trò chính trong đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu nhưng rất thiếu đội ngũ giáo viên biên chế vì thế dạy nghề nói chung và dạy nghề cho LĐNT nói riêng đều do các giáo viên hợp đồng hoặc người tham gia dạy nghề giảng dạy. Đây chính là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT chưa cao. Vì thế, trung tâm dạy nghề các huyện đề nghị UBND huyện bổ sung tăng giáo viên cơ hữu nhằm phát triển đội ngũ giáo viên đủ lượng, đủ chất tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

Ngoài ra, những người tham gia đào tạo nghề chiếm tỷ lệ rất lớn trong đội ngũ giáo viên dạy nghề, đây là lực lượng không thể thiếu trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT. Do đó, các CSDN tích cực vận động, thu hút người dạy nghề là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn.

Mặt khác, các CSDN tạo điều kiện cho giáo viên dạy nghề không ngừng được học hỏi, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với từng nghề, từng địa phương.

Sở LĐTBXH kết hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên tổ chức nghiên cứu, tập huấn triển khai các phương pháp dạy nghề đặc thù cho LĐNT để công tác đào tạo nghề cho LĐNT ngày càng đạt chất lượng cao hơn. Có thể tham khảo “Một số phương thức tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn” đã trình bày ở phần Cơ sở lý luận về chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT để tổ chức tập huấn cho giáo viên như:

** Dạy nghề cho lao động nông thôn tại vùng chuyên canh, chuyên con*

- + Dạy nghề chuyên canh cây lương thực, thực phẩm, rau sạch, hoa quả.
- + Dạy nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

** Dạy nghề cho lao động nông thôn trong các làng nghề*

- + Dạy nghề tại các làng nghề truyền thống.
- + Dạy nghề làm các sản phẩm thủ công xuất khẩu, kết hợp với xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm.
- + Dạy nghề, nhằm phát triển làng nghề mới - “cây nghề”.

** Dạy nghề tại đồng ruộng*

Mặt khác, dạy nghề cho LĐNT cần nhiều đến kinh nghiệm trong thực tế, vì vậy định kỳ ít nhất mỗi năm một lần các CSDN tổ chức cho giáo viên, người dạy nghề tham quan, học hỏi kinh nghiệm từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề... và giao lưu học hỏi lẫn nhau trong hệ thống các CSDN qua các cuộc hội thảo, dự giờ, thi tay nghề...

3.3.3.3. Đào tạo nghề gắn với giới thiệu việc làm, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

a. Mục tiêu

Giúp LĐNT ứng dụng kiến thức vào thực tế sản xuất, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp thực tế của địa phương.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Các CSDN luôn cập nhật công nghệ, phương thức sản xuất mới có hiệu

quả cao từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề... vào chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo phải được nghiên cứu phát triển phù hợp với người học vì đối tượng là người LĐNT nên phần lớn trình độ học vấn hạn chế (theo khảo sát thực trạng, học viên có trình độ học vấn chưa tốt nghiệp tiểu học hoặc tốt nghiệp tiểu học chiếm tỷ lệ 57%), ngoài ra người học cũng không chịu sự gò bó khô khan của những tiết học đơn thuần chỉ lý thuyết. Vận dụng biên soạn chương trình theo hướng tích hợp để phát triển toàn diện về tay nghề, ý thức lao động, ý thức sản xuất cho LĐNT.

Vì vậy, Sở LĐTBXH (quản lý các nghề phi nông nghiệp) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (quản lý nghề nông nghiệp) tùy thuộc vào lĩnh vực quản lý khuyến khích, đẩy mạnh việc biên soạn các chương trình từ các mô hình thí điểm đào tạo nghề cho LĐNT có chất lượng cao bằng cách giao nhiệm vụ nghiên cứu biên soạn chương trình cho các cơ sở đào tạo có kinh nghiệm, có uy tín (Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu, Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư...) hoặc một nhóm chuyên gia có tay nghề cao. Sau đó chương trình sẽ sử dụng cho công tác đào tạo nghề trong toàn tỉnh nhằm tập chung được nguồn lực về tài chính, nhân lực trong việc biên soạn chương trình đào tạo đạt chất lượng và tiết kiệm ngân sách cho Nhà nước.

Các CSDN cần nghiên cứu kiến nghị Sở LĐTBXH trình UBND tỉnh quyết định phân bổ lại thời lượng giờ dạy trong các chương trình dạy nghề phi nông nghiệp trình độ Sơ cấp nghề hiện nay (May dân dụng, Kỹ thuật xây dựng, Sửa chữa máy nổ...). Do đặc thù của LĐNT nên với số giờ dạy (7 giờ/ngày) trong suốt thời gian đào tạo 3 tháng sẽ làm cho công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, người học rất khó đi học đầy đủ vì LĐNT đa phần đều có việc làm tạo thu nhập cho gia đình nên với thời gian học như trên sẽ ảnh hưởng rất lớn tới công việc của họ, gây khó khăn cho kinh tế gia đình. Nên phân bổ dàn trải thời gian học ra khoảng 5-6 tháng thay vì 3 tháng xuyên suốt

cả ngày như hiện tại. Mỗi ngày LĐNT sẽ học khoảng 3-4 giờ, khi đó người học sẽ có thời gian cho công việc của họ, chất lượng các lớp nghề sẽ được nâng cao.

Thành lập **Tổ công tác dạy nghề** (Bảng 3.2) có nhiệm vụ kiểm soát, đánh giá, biên soạn, đổi mới chương trình dạy nghề hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhu cầu xã hội.

Bảng 3.2: Tổ công tác dạy nghề

TT	Tên Sở, ban ngành	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu	Tổ trưởng
2	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thành viên
4	Trường Đại học Bạc Liêu	Thành viên
5	Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Bạc Liêu	Thành viên
6	Trung tâm Khuyến công Bạc Liêu	Thành viên
7	<i>Mời: Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có liên quan đến nghề</i>	<i>Khách mời</i>

3.3.3.4. Tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp

a. Mục tiêu

Giúp LĐNT sau khi đào tạo đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp tại địa phương nhằm giải quyết vấn đề việc làm sau khi đào tạo tại các CSDN.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Các CSDN luôn cập nhật công nghệ mới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, không ngừng đổi mới phương thức sản xuất mới có hiệu quả và năng suất cao từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề... vào chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo phải được nghiên cứu phát triển phù hợp

với người học vì đối tượng là người LĐNT nên phần lớn trình độ học vấn hạn chế (theo khảo sát thực trạng, học viên có trình độ học vấn chưa tốt nghiệp tiểu học hoặc tốt nghiệp tiểu học chiếm tỷ lệ 57%), ngoài ra người học cũng không chịu sự gò bó khô khan của những tiết học đơn thuần chỉ lý thuyết. Vận dụng biên soạn chương trình theo hướng tích hợp để phát triển toàn diện về tay nghề, ý thức lao động, ý thức sản xuất cho LĐNT. Chuyển đào tạo nghề từ đào tạo theo năng lực sẵn có của các CSDN sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và xã hội; gắn đào tạo nghề với kế hoạch phát triển – xã hội của tỉnh, của từng lĩnh vực, ngành nghề của từng địa phương, của các doanh nghiệp với nhu cầu việc làm của người lao động.

Thường xuyên tổ chức các diễn đàn để người dân có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp. Qua đó, tạo cho người dân hướng mở và quyết định chọn nghề nào cho phù hợp. Như vậy, để tìm được một nghề thật sự phù hợp với người dân, địa phương cần có liên kết chặt chẽ giữa người học, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

Phát triển và nhân rộng mô hình gắn đào tạo nghề với vùng nguyên liệu. Kết nối với các doanh nghiệp, các hợp tác xã đến nói chuyện với người dân, vừa là để tìm đầu ra cho sản phẩm của họ, vừa là để tăng sự liên kết của các bên (nhà nông – nhà nước - nhà khoa học – nhà doanh nghiệp).

Do nhận thức của đa số lao động nông thôn còn hạn chế, tỉnh Bạc Liêu cần tập trung đào tạo vào các nghề gần gũi với người nông dân phù hợp với điều kiện của tỉnh như: trồng trọt - chế biến nuôi trồng thủy sản nước lợ, quản lý phát triển trang trại, phát triển đa dạng hóa các loại hình dịch vụ du lịch tại địa phương, ... Đây là các hình thức đào tạo đã khá ổn định, cần tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia và nâng cao chất lượng đào tạo.

Với các nghề phi nông nghiệp, vấn đề tạo việc làm có áp lực gay gắt hơn, vì thế việc liên kết nhà nông, doanh nghiệp và nhà trường để đào tạo

nghề là yêu cầu đầu tiên khi mở lớp. Cần rà soát các nghề do các trung tâm đã và đang dạy từ trước đến nay nhằm xác định thế mạnh của từng nghề, từ đó vận dụng đào tạo nhằm bảo đảm phù hợp với nhu cầu của từng nơi. Có kế hoạch cụ thể để liên kết với các doanh nghiệp nhằm đảm bảo sau tốt nghiệp học viên có được việc làm tại các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

Giải quyết được việc làm cho người lao động sau khi đào tạo là một việc làm hết sức có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay và trong thời gian tới của tỉnh. Công tác đào tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm sẽ là động lực thúc đẩy người lao động có nhu cầu học nghề cao hơn, họ có thể yên tâm học tập, phát huy hết khả năng và ý thức, trách nhiệm của bản thân, từ đó chất lượng lao động sẽ được nâng cao; các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ tận dụng được nguồn nhân lực tại địa phương đảm bảo về số lượng và chất lượng giúp yên tâm sản xuất kinh doanh.

3.3.3.5. Hoàn thiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Bạc Liêu

a. Mục tiêu

Khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho CSDN, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề và LĐNT tích cực tham gia công tác đào tạo nghề cho LĐNT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

b. Nội dung và phương pháp thực hiện

Trong thời gian qua, các chính sách thực hiện trong quá trình đào tạo nghề cho LĐNT phần nào giúp ích cho người học nghề; giáo viên, người dạy nghề và cơ sở tham gia đào tạo nghề.

Tuy nhiên qua khảo sát theo tình hình thực tế, một số chính sách công tác dạy nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg đã không còn hợp lý, cần nghiên cứu bổ sung và sửa đổi phù hợp với xu hướng hiện nay.

- *Chính sách đối với người học nghề*

Theo Quyết định 1956/QĐ-TTg “Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác... được hỗ trợ tiền ăn với mức 15.000 đồng/ngày thực học/người; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên”

Theo thời giá hiện nay với số tiền ăn được hỗ trợ 15.000 đồng/ngày thực học/người thì người LĐNT khó có thể theo lớp học được. LĐNT theo lớp học thường là trụ cột chính trong gia đình, là người kiếm tiền trang trải cho cuộc sống hàng ngày nên khi đi học gia đình họ sẽ gặp nhiều khó khăn nên người LĐNT sẽ không theo học hoặc không chú tâm vào việc học gây ảnh hưởng đến việc đào tạo nghề cũng như gây hiệu quả thấp chất lượng đầu ra. Mặt khác, cần hỗ trợ tiền đi lại đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 05 km trở lên thay vì 15 km trở lên.

Ngoài ra, cần bổ sung đối tượng cận nghèo vì đây là đối tượng còn khó khăn cần sự hỗ trợ trong quá trình học nghề.

Vì vậy, Sở LĐTBXH cần đề xuất Bộ LĐTBXH có chính sách hợp lý hơn như: “Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, *hộ cận nghèo*, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác ... được hỗ trợ tiền ăn với mức *30.000 đồng/ngày thực học/người*; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ *05 km* trở lên”.

Từ khi thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg, địa phương các cấp chưa cân đối ngân sách hỗ trợ cho LĐNT học nghề. Vì thế, ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương hàng năm, chính quyền địa phương từ tỉnh đến huyện

phải cân đối ngân sách, vận động các doanh nghiệp, các tổ chức... hỗ trợ thêm cho người học nghề các khoản chính sách như đã đề xuất ở phần trên (hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại...). Đây chính là thể hiện sự quan tâm của các cấp chính quyền, của toàn xã hội đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT. Tùy vào tình hình thực tế hàng năm, Sở LĐTBXH sẽ tham mưu trình UBND tỉnh quyết định cân đối kinh phí của địa phương hỗ trợ LĐNT học nghề, đề xuất kinh phí hỗ trợ LĐNT học nghề năm 2020 như sau:

Bảng 3.3: Kinh phí địa phương hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT

TT	Địa phương	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	UBND tỉnh Bạc Liêu	1.400	<i>Chia đều cho các huyện</i>
2	UBND TP. Bạc Liêu	200	
3	UBND huyện Vĩnh Lợi	200	Tỉnh hỗ trợ 02 huyện xây dựng cơ sở vật chất cho CSDN
4	UBND huyện Hòa Bình	200	
5	UBND TX. Giá Rai	200	
6	UBND huyện Phước Long	200	
7	UBND huyện Hồng Dân	200	
8	UBND huyện Đông Hải	200	
TỔNG		2.800	

- Chính sách đối với giáo viên, người tham gia dạy nghề cho LĐNT

UBND tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút nghề nhân, thợ bậc cao, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi tham gia công tác đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho LĐNT nói riêng. Ngoài những chế độ thu hút nhân lực đang được áp dụng của tỉnh hiện nay, cần hỗ trợ thêm bằng 30% mức lương theo quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, cơ sở dạy nghề định kỳ mỗi năm 01 lần tổ chức cho giáo

viên, người tham gia dạy nghề cho LĐNT được đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh nhằm giúp cho đội ngũ giáo viên có khoảng thời gian giải trí đồng thời có điều kiện tiếp thu kiến thức mới, hay đưa vào giảng dạy trong thực tế.

- Chính sách đối với CSDN

Sở LĐTBXH xem xét, bổ sung Trung tâm dạy nghề huyện Vĩnh Lợi, Hòa Bình vào danh sách tập trung đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2020 để tạo điều kiện cho các trung tâm phát triển về cơ sở vật chất, phục vụ tốt hơn công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

UBND tỉnh đẩy mạnh, thu hút các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp và CSDN tư nhân tham gia đào tạo nghề cho LĐNT. Đồng thời, tạo điều kiện về đất, vay vốn ưu đãi cho các cá nhân, tổ chức xây dựng CSDN ở những vùng sâu, vùng xa có LĐNT có nhu cầu học nghề. Không phân biệt các CSDN này trong đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên... nhằm đáp ứng nhu cầu học nghề của LĐNT đồng thời tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh trong quá trình đào tạo nghề góp phần nâng cao chất lượng của người học.

Thành lập **Tổ công tác tài chính** (Bảng 3.4) giúp giám sát, phân bổ kinh phí và tạo điều kiện thực hiện hiệu quả các chính sách về công tác đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tham mưu dự toán kinh phí hoạt động đảm bảo công tác đào tạo nghề cho LĐNT của tỉnh đạt hiệu quả cao.

Bảng 3.4: Tổ công tác tài chính

TT	Tên Sở, ban, ngành	Ghi chú
1	Sở Tài chính	Tổ trưởng
2	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên
3	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Thành viên
4	Sở Kế hoạch – Đầu tư	Thành viên
5	Sở Tài nguyên – Môi trường	Thành viên

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nâng cao chất lượng LĐNT nói riêng có vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn. Để có được nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tiễn thì công tác ĐTN phải được xác định và nhìn nhận một cách đúng mức.

Qua 10 năm (2010-2020) triển khai và tổ chức thực hiện Đề án ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh, công tác ĐTN của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo được nâng lên, trình độ tay nghề của người lao động đã được cải thiện, nguồn nhân lực trong huyện từng bước đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn sản xuất và đời sống. Song bên cạnh đó, công tác ĐTN cho LĐNT vẫn còn một số tồn tại, bất cập chính đó là số lượng người lao động được đào tạo nghề chưa nhiều, chất lượng đào tạo chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của thị trường, có cơ sở đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu ngành nghề của người học, mới chủ yếu đào tạo theo kế hoạch phân bổ kinh phí theo Đề án 1956...

Với mong muốn hoàn thiện công tác ĐTN cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu, luận văn đã trình bày một số vấn đề, đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác ĐTN cho LĐNT, đánh giá thực trạng công tác ĐTN cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu, trên cơ sở đó tôi kiến nghị, đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế để công tác ĐTN cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu được hoàn thiện hơn.

Với sự giúp đỡ của các thầy cô giáo trường Đại học Lao động – Xã hội, sự hỗ trợ của các cơ quan đơn vị, DN tỉnh Bạc Liêu, sự nỗ lực của bản thân và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của TS. Phạm Ngọc Thành, luận văn cơ bản đã hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu. Tuy nhiên, luận văn thạc sĩ

là một đề tài của cá nhân tác giả, khó có thể giải quyết được tất cả các vấn đề có liên quan đến các tiêu chí hoàn thiện công tác ĐTN cho LĐNT tỉnh Bạc Liêu. Luận văn này đã gợi mở một số vấn đề có liên quan và giải quyết những vấn đề trong khả năng của tác giả. Do những hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn cũng như thời gian nghiên cứu nên bài luận văn cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”*.
2. Chính phủ (2009), *Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến 2020*.
3. Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề (2011), *Sổ tay công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
4. Tăng Minh Lộc (2011), *Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Điều chỉnh lại cơ cấu lao động, cách dạy nghề*, website của Báo Nông nghiệp Việt Nam.
5. Nguyễn Tiến Dũng (2011), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Tổng cục Dạy nghề (2012), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dạy nghề*.
7. Nguyễn Văn Đại (2012), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
8. Viện nghiên cứu phát triển ĐBSCL (2012). *Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ*.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (2020), *Báo cáo tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa*

bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2011 – 2020.

10. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Bạc Liêu (2013), *Tài liệu tập huấn cán bộ, công chức văn hóa – xã hội cấp xã phụ trách Lao động, Người có công và Xã hội theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg.*

11. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2022), *Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.*

12. Lê Mậu Trung (2019), *Hoàn thiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

13. Chu Thanh Thủy (2019), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại Học Lao động – Xã hội.

14. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (2022), *Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 29/06/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022; tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2022.*

15. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;

16. Các trang Web:

<http://www.baclieu.gov.vn>

<http://www.skhd.baclieu.gov.vn>

<http://www.slđtbxh.baclieu.gov.vn>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA PHÒNG VẤN

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Xây dựng và phát triển làng nghề đan lát Bạc Liêu	Ấp Ninh Định, Xã Ninh Hòa, Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu
2	Nhà Máy May Vinatex Bạc Liêu	Lô D2, Đường Gom, KCN Trà Kha, Phường 8, Thành Phố Bạc Liêu, Bạc Liêu.
3	Công ty TNHH Một thành viên Bạc Liêu Solar	Ấp Thống Nhất, Xã Vĩnh Hậu, Huyện Hoà Bình, Tỉnh Bạc Liêu
4	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam - Chi Nhánh Bạc Liêu 2	Vĩnh Thịnh, Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Hoà Bình, Bạc Liêu.
5	Công ty TNHH Nông nghiệp – Thủy sản Thu Thủy	Kinh 10, Ấp Bến Bào, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu

PHỤ LỤC 2: Hướng dẫn phỏng vấn doanh nghiệp

Lời giới thiệu

Tôi xin cảm ơn quý Ông/bà đã bớt chút thời gian tham gia cuộc phỏng vấn của tôi. Mục đích của cuộc phỏng vấn nhằm tìm hiểu mức độ lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp hiện nay.

Trước khi bắt đầu, tôi muốn khẳng định một số điểm sau:

1. Mọi ý kiến của quý Ông/bà đều có ý nghĩa đối với tôi
2. Các ý kiến quý Ông/bà đưa ra chỉ nhằm mục đích nghiên cứu
3. Thời gian phỏng vấn diễn ra khoảng 15 phút
4. Nếu quý Ông/bà có điều gì trao đổi xin vui lòng liên hệ với

Nội dung phỏng vấn

1. Quý Ông/bà nhận định như thế nào về lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hiện nay?

2. Doanh nghiệp của Ông/bà hiện nay có sử dụng lao động nông thôn không? Số lượng lao động hiện nay có đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp ông/bà không?

3. Ông bà đánh giá như thế nào về chất lượng lao động hiện nay của doanh nghiệp mình? Có đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại của doanh nghiệp ông/bà không?

4. Ông/bà có mong muốn/đề xuất gì với cơ sở đào tạo nghề không?

PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT VỀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU

(Mẫu 01: khảo sát người học)

Thưa anh/chị!

Tôi là Nguyễn Thị Ngọc Hân, học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động Xã hội. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp”, để có cơ sở đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 – 2020, tôi đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, xin gửi tới anh chị để lấy ý kiến. Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống . Tôi xin cam đoan, mọi thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát chỉ nhằm mục đích phục vụ cho bài nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của anh chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

- Giới tính Nam
 Nữ
- Năm sinh
- Trình độ học vấn Chưa tốt nghiệp tiểu học
 Tốt nghiệp tiểu học
 Tốt nghiệp trung học cơ sở
 Tốt nghiệp trung học phổ thông
 Trung cấp
 Cao đẳng
 Đại học và trên đại học

Nghề nghiệp hiện tại (nếu có):

Tên cơ sở đào tạo nghề anh/chị đang học:

II. THÔNG TIN CỤ THỂ:

Câu 1: Trước đây, Anh/chị đã từng làm nghề anh/chị đang học chưa?

- Chưa từng làm
- Đã từng làm
- Đang làm

Nếu chọn chưa từng làm và đã từng làm, anh chị cho biết lý do học khác ngành?

- Nghề có thu nhập thấp
- Không hứng thú với nghề
- Không phù hợp
- Ý kiến khác (ghi rõ):....

Câu 2: Anh/chị biết thông tin về cơ sở đào tạo nghề qua kênh nào?

- Phòng LĐTBXH huyện
- Cán bộ xã
- Đoàn, Hội địa phương
- Người quen giới thiệu
- Các cơ sở dạy nghề
- Phương tiện thông tin đại chúng

Câu 3: Anh/chị đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề theo các mức độ dưới đây:

1. Chưa đầy đủ; 2. Tương đối đầy đủ; 3. Đầy đủ

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá		
	1	2	3
Cơ sở vật chất (phòng học, bàn ghế...)	1	2	3
Trang thiết bị dạy nghề (tài liệu học tập, thiết bị dạy học và thực hành...)	1	2	3

Câu 4: Anh/chị có thường xuyên được đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh không? (Giáo viên)

- Không
- 1-3 lần
- 4-5 lần
- Nhiều hơn 5 lần

Câu 6: Anh/chị nhận xét như thế nào về giáo viên giảng dạy?

Thái độ giảng dạy	<input type="checkbox"/> Không tích cực	<input type="checkbox"/> Tương đối tích cực	<input type="checkbox"/> Tích cực
Kiến thức giảng dạy lý thuyết	<input type="checkbox"/> Cao	<input type="checkbox"/> Trung bình	<input type="checkbox"/> Thấp
Kỹ năng tay nghề - thực hành	<input type="checkbox"/> Cao	<input type="checkbox"/> Trung bình	<input type="checkbox"/> Thấp
Phương pháp giảng dạy	<input type="checkbox"/> Chưa phù hợp	<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp	<input type="checkbox"/> Phù hợp

Câu 7: Anh/chị đánh giá như thế nào về chương trình giảng dạy?

1. Chưa phù hợp 2. Tương đối phù hợp 3. Phù hợp

Nội dung	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Thời lượng chương trình	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Số giờ dạy lý thuyết	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Số giờ dạy thực hành	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3

Câu 8: Anh/chị đánh giá như thế nào về cán bộ phụ trách tư vấn công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn?

Tinh thần trách nhiệm	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không tốt
Kiến thức về công tác đào tạo nghề (tên nghề, chương trình giảng dạy, thời gian đào tạo,	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không tốt

chính sách hỗ trợ...)			
Kỹ năng tư vấn (vui vẻ, nhiệt tình, diễn đạt rõ ràng, nhẫn nại...)	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Không tốt

Câu 9: Tỷ lệ kiến thức anh/chị áp dụng vào công việc sau khi học nghề?

- Dưới 25%
- Từ 25% - 50%
- Từ 51% - 75%
- Trên 75%

Câu 10: Anh/chị nhận xét gì về các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn?

1. Chưa phù hợp 2. Tương đối phù hợp 3. Phù hợp

Chính sách hỗ trợ LĐNT học nghề			
Hỗ trợ tiền ăn, đi lại	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Hỗ trợ vốn tạo việc làm sau học nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn			
Chính sách đối với người học nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với giáo viên	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với cơ sở dạy nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3

Câu 11: Anh/chị đánh giá như thế nào về sự phối hợp giữa chính quyền – cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp?

- Không chặt chẽ
- Tương đối chặt chẽ
- Chặt chẽ

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT VỀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU

(Mẫu 02: khảo sát giáo viên)

Thưa anh/chị!

Tôi là Nguyễn Thị Ngọc Hân, học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động Xã hội. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp”, để có cơ sở đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 – 2020, tôi đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, xin gửi tới anh chị để lấy ý kiến. Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống . Tôi xin cam đoan, mọi thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát chỉ nhằm mục đích phục vụ cho bài nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của anh chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính Nam

Nữ

Năm sinh

Tên cơ sở đào tạo nghề anh/chị giảng dạy:

II. THÔNG TIN CỤ THỂ:

Câu 1: Anh/chị đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề theo các mức độ dưới đây:

1. Chưa đầy đủ; 2. Tương đối đầy đủ; 3. Đầy đủ

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá		
	1	2	3
Cơ sở vật chất (phòng học, bàn ghế...)	1	2	3
Trang thiết bị dạy nghề (tài liệu học tập, thiết bị dạy học và thực hành...)	1	2	3

Câu 2: Anh/chị có thường xuyên được đi thực tế, tham quan các mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến... trong và ngoài tỉnh không? (Giáo viên)

- Không
- 1-3 lần
- 4-5 lần
- Nhiều hơn 5 lần

Câu 3: Anh/chị nhận xét gì về các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh hiện nay?

1. Chưa phù hợp 2. Tương đối phù hợp 3. Phù hợp

Chính sách đối với người học nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với giáo viên	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với cơ sở dạy nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3

Câu 4: Anh/chị đánh giá như thế nào về sự phối hợp giữa chính quyền – cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp?

- Không chặt chẽ
- Tương đối chặt chẽ
- Chặt chẽ

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT VỀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỈNH BẠC LIÊU

(Mẫu 03: khảo sát cán bộ quản lý đào tạo)

Thưa anh/chị!

Tôi là Nguyễn Thị Ngọc Hân, học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động Xã hội. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp”, để có cơ sở đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 – 2020, tôi đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, xin gửi tới anh chị để lấy ý kiến. Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống . Tôi xin cam đoan, mọi thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát chỉ nhằm mục đích phục vụ cho bài nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của anh chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính Nam

Nữ

Năm sinh

Tên cơ sở đào tạo nghề anh/chị đang công tác:

II. THÔNG TIN CỤ THỂ:

Câu 1: Anh/chị đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề theo các mức độ dưới đây:

1. Chưa đầy đủ; 2. Tương đối đầy đủ; 3. Đầy đủ

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá		
	1	2	3
Cơ sở vật chất (phòng học, bàn ghế...)	1	2	3
Trang thiết bị dạy nghề (tài liệu học tập, thiết bị dạy học và thực hành...)	1	2	3

Câu 2: Anh/chị nhận xét gì về các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh hiện nay?

1. Chưa phù hợp 2. Tương đối phù hợp 3. Phù hợp

Chính sách đối với người học nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với giáo viên	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3
Chính sách đối với cơ sở dạy nghề	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3

Câu 3: Anh/chị đánh giá như thế nào về sự phối hợp giữa chính quyền – cơ sở dạy nghề - người học nghề - doanh nghiệp?

- Không chặt chẽ
- Tương đối chặt chẽ
- Chặt chẽ

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!